Bản tin Khuyến nông Việt Nam

TRUNG TÂM KHUYẾN NÔNG QUỐC GIA
BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Số 02 | 2026



Khuyến nông Việt Nam 1993

BẢN TIN KHUYẾN NÔNG VIỆT NAM

Ở đâu có nông dân, ở đó có khuyến nông

CHỊU TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN
PGS.TS. Lê Quốc Thanh

BAN BIÊN TẬP
ThS. Hoàng Văn Hồng
TS. Lê Minh Lịnh
TS. Huỳnh Kim Định
ThS. Đỗ Phan Tuấn
ThS. Nguyễn Bá Tiến
TS. Nguyễn Thị Hải
TS. Hoàng Tuyển Phương
ThS. Đặng Xuân Trường
TS. Nguyễn Đức Hải
ThS. Doãn Văn Chiến

THƯ KÍ BIÊN TẬP
ThS. Đỗ Thị Việt Oanh

TRỤ SỞ TÒA SOẠN
16 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội
ĐT: 024. 3728 2485
Email: tthlknqg@gmail.com
Website: khuyennongvn.gov.vn

Giấy phép xuất bản
số 26/GP-XBBT
ngày 22 tháng 6 năm 2026
Số lượng: 3.000 bản/số
Nơi in: Công ty Cổ phần In Hà Nội

Bìa 1: Mùa hái mật.
Ảnh: CTV

TRONG SỐ NÀY

Thông tin chủ trương, chính sách nông nghiệp và môi trường

1. Chủ động phòng ngừa, giảm thiểu thiệt hại do mưa, bão đối với sản xuất nông nghiệp năm 2026
2. Bước đột phá trong cải cách thủ tục cấp mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói
4. Đắk Lắk kết nối sản xuất, tiêu thụ, xây dựng hệ sinh thái sầu riêng bền vững

Hoạt động khuyến nông

6. Hợp tác nông nghiệp Việt Nam – Angola từ khảo sát thực địa đến khung phát triển bền vững
8. Tập huấn khuyến nông về sản xuất sầu riêng an toàn và triển khai mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói
10. Khuyến nông đưa quy định về mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói đến cơ sở
12. AI, IoT từng bước thay đổi sản xuất nông nghiệp
14. Chuẩn hóa vùng trồng: Chìa khóa để duy trì mã số vùng trồng
15. Tập huấn nâng cao phương pháp và kỹ năng cho đội ngũ cán bộ khuyến nông

Sự kiện khuyến nông

17. Đẩy mạnh cơ giới hóa nông nghiệp - giải pháp nâng cao năng suất, giảm chi phí, thích ứng biến đổi khí hậu
19. Gắn truy xuất nguồn gốc với liên kết chuỗi chăn nuôi
21. Phát triển bền vững ngành ong: Từ quy mô đến chất lượng và thương hiệu
23. Canh tác sầu riêng thích ứng với biến đổi khí hậu và đáp ứng thị trường nhập khẩu

Xây dựng Nông thôn mới

25. Lào Cai xây dựng thôn thông minh, thôn số

Mô hình, điển hình tiên tiến

26. Làm nông nghiệp sạch gắn với du lịch trải nghiệm - hướng đi mới ở xã miền núi tỉnh Nghệ An
28. Quảng Trị lan tỏa các mô hình nông nghiệp xanh, bền vững
30. Trữ cá mùa lũ - mô hình sinh kế thuận thiên thích ứng biến đổi khí hậu
32. Nuôi vịt VietGAHP, liên kết để tăng giá trị

Khoa học kỹ thuật và công nghệ

33. Kỹ thuật thâm canh tổng hợp cho cây mít vùng trồng chính ở các tỉnh phía Nam
38. Các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả chủng ngừa vắc - xin cho gà thịt
40. Kỹ thuật vỗ béo bò
42. Quy trình nuôi tôm hạn chế chất thải
44. **Tin thị trường**



CHỦ ĐỘNG PHÒNG NGỪA, GIẢM THIỂU THIỆT HẠI DO MƯA, BÃO ĐỐI VỚI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP NĂM 2026

Theo dự báo của Cục Khí tượng thủy văn (Bộ Nông nghiệp và Môi trường), năm 2026 là năm cực đoan và khó lường của thiên tai. Nguy cơ ngập lụt, lũ quét và sạt lở đất tại khu vực miền núi Bắc Bộ và Trung Bộ có thể gia tăng, đặc biệt trong các tháng cao điểm mùa mưa và các giai đoạn chuyển mùa từ tháng 8 đến tháng 10 sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và hạ tầng sản xuất nông nghiệp. Để chủ động ứng phó, phòng ngừa, giảm thiểu thiệt hại do mưa bão đối với sản xuất nông nghiệp năm 2026, Trung tâm Khuyến nông quốc gia đề nghị Hệ thống khuyến nông các tỉnh vùng Bắc Bộ và Trung Bộ khẩn trương thực hiện các nhiệm vụ sau:

1. Công tác thông tin, tuyên truyền

Phổ biến kịp thời thông tin dự báo, cảnh báo tình hình mưa bão đến tận cơ sở, HTX và hộ nông dân qua hệ thống khuyến nông cộng đồng, loa truyền thanh và mạng xã hội.

2. Tổ chức chỉ đạo sản xuất:

Tổ chức hướng dẫn bà con chủ động ứng phó trước, trong và sau mưa lũ, cụ thể:

*** Hoạt động sản xuất trong chăn nuôi**

- Tổ chức kiểm tra, gia cố chuồng trại, hệ thống điện, mái che và công trình thoát nước, bảo đảm an toàn cho người và vật nuôi;

- Chủ động dự trữ thức ăn, nước uống và các vật tư thiết yếu; bảo quản thức ăn tại nơi khô ráo, không để bị ngập nước, ẩm mốc hoặc ô nhiễm;

- Không chăn thả gia súc, gia cầm, chủ động di chuyển, sơ tán đàn gia súc, gia cầm ra khỏi vùng trũng thấp, khu vực có nguy cơ ngập úng, lũ quét, sạt lở đến nơi an toàn;

- Thực hiện vệ sinh, tiêu độc, khử trùng chuồng trại và khu vực chăn nuôi; triển khai các biện pháp phòng, chống dịch bệnh trong và sau mưa bão;

- Thu gom, xử lý xác vật nuôi bị chết theo hướng dẫn của cơ quan chuyên môn; không vứt xác vật nuôi ra môi trường;

- Theo dõi chặt chẽ tình trạng sức khỏe đàn vật nuôi; kịp thời phát hiện, báo cáo cơ quan thú y và chính quyền địa phương khi có dịch bệnh hoặc vật nuôi chết bất thường sau mưa lũ.

*** Hoạt động sản xuất trong nuôi trồng thủy sản**

- Chủ động kiểm tra hệ thống lồng bè, dây neo, dây chằng và các công trình nuôi; gia cố bờ ao, khơi thông hệ thống cấp, thoát nước, hạ thấp mực nước ao nuôi phù hợp để hạn chế tràn bờ khi mưa lớn.

- Theo dõi chặt chẽ diễn biến thời tiết và các chỉ tiêu môi trường nước; chủ động tăng cường oxy trong nước, điều chỉnh lượng thức ăn, sử dụng chế phẩm sinh học và các biện pháp kỹ thuật nhằm ổn định môi trường nuôi, giảm sốc cho vật nuôi. ☞



Cán bộ Trung tâm Khuyến nông Tuyên Quang hướng dẫn bà con khôi phục sản xuất sau mưa bão

- Khẩn trương thu hoạch thủy sản đã đạt kích cỡ thương phẩm hoặc sắp đến kỳ thu hoạch nhằm giảm thiểu thiệt hại khi có mưa bão, lũ lớn.

- Tuyệt đối không để người ở lại trên lồng, bè, chòi canh hoặc khu vực nuôi khi có mưa bão, lũ; thực hiện nghiêm các quy định về bảo đảm an toàn cho người lao động và phương tiện.

- Sau mưa bão, tổ chức kiểm tra, đánh giá mức độ thiệt hại; xử lý môi trường ao nuôi, thu gom và tiêu hủy thủy sản chết theo đúng quy định; tăng cường giám sát, phát hiện sớm và xử lý kịp thời dịch bệnh, báo cáo cơ quan chuyên môn khi có dấu hiệu bất thường.

*** Hoạt động sản xuất trong trồng trọt và lâm nghiệp**

- Chủ động theo dõi diễn biến thời tiết; khẩn trương thu hoạch lúa, hoa màu, cây ăn quả và các loại nông sản đã đến kỳ thu hoạch ở những nơi có nguy cơ ngập úng, lũ quét, sạt lở. Thực hiện che phủ, bảo quản nông sản tại nơi cao ráo, tránh mưa ngập hoặc ẩm gây hư hỏng.

- Kiểm tra, gia cố bờ thửa, hệ thống kênh mương; khơi thông dòng chảy, chủ động tiêu úng và thoát nước nhanh nhằm hạn chế ngập úng, bảo vệ cây trồng.

- Tổ chức chằng, chống đổ cho cây ăn quả, cây công nghiệp, cây lâu năm; tỉa cành, tạo tán đối với các vườn cây có nguy cơ gãy đổ, giảm thiểu thiệt hại do gió mạnh.

- Chủ động bảo vệ diện tích sản xuất giống, nhà lưới, nhà màng, vườn ươm; che chắn vật tư sản xuất, cố định cây mới trồng và có phương án thoát nước kịp thời.

- Tăng cường kiểm tra rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất và các khu vực có nguy cơ sạt lở; kịp thời phát hiện, xử lý cây gãy đổ, sạt lở, đồng thời cảnh báo, hạn chế người dân vào khu vực nguy hiểm trong thời gian mưa bão.

BBT

Ngày 04/8/2026, Bộ Nông nghiệp và Môi trường tổ chức Hội nghị triển khai Nghị quyết số 36/2026/NQ-CP của Chính phủ về đơn giản hóa thủ tục hành chính đối với mã số vùng trồng và mã số cơ sở đóng gói (sau đây gọi tắt là Nghị quyết 36). Hội nghị được tổ chức theo hình thức trực tiếp kết hợp trực tuyến, kết nối tới 34 tỉnh, thành phố, các xã, phường, đặc khu trên cả nước cùng các hiệp hội ngành hàng, doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân liên quan với hơn 1.000 điểm cầu tham gia.

Hội nghị tập trung vào 3 nội dung chính. Thứ nhất là phổ biến các quy định mới của Nghị quyết 36. Thứ hai là làm rõ những điểm mới so với các quy định và quy trình thực hiện trước đây. Thứ ba là đối thoại, giải đáp những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong thực tiễn để Nghị quyết được triển khai nhanh, thống nhất và không bị hiểu sai.

Hội nghị phổ biến, quán triệt và thống nhất triển khai các quy định mới của Chính phủ, bảo đảm thực hiện đồng bộ từ Trung ương đến địa phương. Việc cải cách thủ tục sẽ tạo thuận lợi cho người dân, hợp tác xã và doanh nghiệp trong đăng ký, cấp và quản lý mã số, đồng thời đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, truy xuất nguồn gốc và mở rộng thị trường xuất khẩu nông sản.

Theo Nghị quyết 36, nhiều nội dung quan trọng được đổi mới. Cụ thể, toàn bộ quy trình cấp và quản lý mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói sẽ được thực hiện trên môi trường số thông qua Cổng Dịch vụ công quốc gia và Hệ thống xử lý nghiệp vụ của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Dữ liệu được quản lý theo nguyên tắc đúng, đủ, sạch, sống và toàn bộ quy trình được công khai, minh bạch.

Chủ tịch UBND cấp xã được giao thực hiện việc cấp, cấp lại mã số vùng trồng và mã số cơ sở đóng gói. Đồng thời, cấp xã cũng chịu trách nhiệm hậu kiểm, quản lý, thu hồi, tạm dừng hoặc khôi phục mã số theo quy định.

Thành phần hồ sơ được cắt giảm 50%. Thời gian giải quyết thủ tục cũng được rút ngắn đáng kể. Đối với trường hợp không đăng ký xuất khẩu, thời gian xử lý giảm từ 14 ngày làm việc xuống còn 3 ngày. Đối với trường hợp đăng ký xuất khẩu sang các thị trường yêu cầu mã số vùng trồng hoặc mã số cơ sở đóng gói, thời gian giải quyết còn 10 ngày làm việc, giảm 4 ngày.

Nghị quyết cũng bãi bỏ quy định về diện tích tối thiểu, làm rõ việc cấp mã số đối với cây trồng xen canh và xác định rõ chủ thể chịu trách nhiệm nhằm bảo đảm khả năng truy xuất nguồn gốc. Đối với các mã số đã được cấp trước đây, Nghị quyết tiếp tục duy trì hiệu lực nhằm bảo đảm quá trình chuyển đổi không làm gián đoạn hoạt động sản xuất, kinh doanh và xuất khẩu.

BƯỚC ĐỘT PHÁ TRONG CẢI CÁCH THỦ TỤC CẤP MÃ SỐ VÙNG TRỒNG, MÃ SỐ CƠ SỞ ĐÓNG GÓI



Nghị quyết 36 được ban hành nhằm kịp thời tháo gỡ những bất cập trong quản lý MSVT, MSCSĐG



Theo Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Nguyễn Hoàng Hiệp, Nghị quyết 36 được Chính phủ ban hành nhằm kịp thời tháo gỡ những bất cập trong quản lý mã số vùng trồng và mã số cơ sở đóng gói. Trước khi tham mưu ban hành Nghị quyết 36, Bộ đã phối hợp chặt chẽ với các địa phương, hiệp hội ngành hàng và doanh nghiệp, trực tiếp khảo sát tại nhiều tỉnh Tây Nguyên, làm việc với các vùng trồng, cửa khẩu xuất khẩu sầu riêng và nhiều mặt hàng nông sản khác để lắng nghe ý kiến của nông dân, hợp tác xã, doanh nghiệp và các cơ quan liên quan.

Lãnh đạo Bộ Nông nghiệp và Môi trường khẳng định: "Mục tiêu cuối cùng của Nghị quyết là nâng cao sức cạnh tranh của nông sản Việt Nam, xây dựng thương hiệu chung cho nông sản Việt, đồng thời tạo môi trường hành chính minh bạch, thông thoáng hơn cho người dân và doanh nghiệp".

Phát biểu kết luận hội nghị, Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Nguyễn Hoàng Hiệp yêu cầu việc triển khai Nghị quyết 36 phải thực hiện ngay, đồng bộ, thống nhất từ Trung ương đến cơ sở; không để quá trình chuyển giao nhiệm vụ làm gián đoạn việc cấp mã số cũng như hoạt động sản xuất, tiêu thụ và xuất khẩu nông sản.

Các địa phương cần xác định rõ trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị; khẩn trương bố trí nhân lực, hạ tầng công nghệ và tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ cấp xã. Cơ quan chuyên môn cấp tỉnh phải phát huy vai trò đầu mối, thường xuyên hướng dẫn, hỗ trợ cơ sở giải quyết những khó khăn, vướng mắc phát sinh.

Quá trình tiếp nhận, giải quyết hồ sơ phải bảo đảm công khai, minh bạch, đúng thời hạn; tuyệt đối không tự đặt thêm thành phần hồ sơ, thủ tục hoặc điều kiện ngoài quy định. Việc phân cấp mạnh cho cấp xã phải đi đôi với kiểm tra, giám sát và hậu kiểm thực chất, tránh tình trạng cấp nhanh nhưng buông lỏng quản lý.

Thứ trưởng Nguyễn Hoàng Hiệp nhấn mạnh, đơn giản hóa thủ tục không đồng nghĩa với hạ thấp tiêu chuẩn. Các vùng trồng, cơ sở đóng gói phục vụ xuất khẩu vẫn phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu về kiểm dịch thực vật, an toàn thực phẩm, kiểm soát sinh vật gây hại, ghi chép hồ sơ và truy xuất nguồn gốc theo quy định của từng thị trường nhập khẩu. Trường hợp vi phạm hoặc không duy trì điều kiện kỹ thuật sẽ bị tạm dừng, thu hồi mã số theo quy định.

Bộ Nông nghiệp và Môi trường kỳ vọng Nghị quyết 36 sẽ tạo chuyển biến mạnh trong quản lý mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói, giảm thời gian và chi phí thủ tục hành chính, thúc đẩy chuyển đổi số, truy xuất nguồn gốc, nâng cao năng lực cạnh tranh và giá trị nông sản Việt.

LAN HƯƠNG

ĐẮK LẮK KẾT NỐI SẢN XUẤT, TIÊU THỤ, XÂY DỰNG HỆ SINH THÁI SẦU RIÊNG BỀN VỮNG

Trong khuôn khổ Lễ hội Sầu riêng Đắk Lắk năm 2026, ngày 16/8/2026, UBND tỉnh Đắk Lắk đã tổ chức Hội nghị Diễn đàn "Kết nối sản xuất, tiêu thụ sầu riêng – Hệ sinh thái sầu riêng bền vững".

Hội nghị có sự tham dự của Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Võ Văn Hưng; Nguyên Ủy viên Trung ương Đảng, Nguyên Phó Chủ tịch Quốc hội Lê Minh Hoan; Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk Đỗ Hữu Huy cùng lãnh đạo các sở, ngành, địa phương và hơn 100 hợp tác xã, doanh nghiệp sản xuất, chế biến, xuất khẩu sầu riêng.

Ngành hàng lớn, yêu cầu ngày càng cao

Theo báo cáo tại hội nghị, Đắk Lắk hiện là một trong những vùng sản xuất sầu riêng trọng điểm của cả nước. Năm 2025, toàn tỉnh có khoảng 41.000 ha sầu riêng, trong đó hơn 26.000 ha cho sản phẩm, sản lượng đạt 446.214 tấn; năm 2026 dự kiến đạt khoảng 500.000 tấn. Đến nay, tỉnh có 280 mã số vùng trồng được phê duyệt với diện tích khoảng 7.500 ha. Toàn tỉnh có 41 cơ sở đóng gói quả tươi xuất khẩu được phê duyệt và 16 cơ sở đóng gói sầu riêng đông lạnh.

Trung Quốc tiếp tục là thị trường xuất khẩu chủ lực của sầu riêng Đắk Lắk, chiếm khoảng 70% tổng sản lượng dự kiến của tỉnh.

Tuy nhiên, ngành hàng đang đối mặt với nhiều yêu cầu mới về chất lượng, an toàn thực phẩm, mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói, truy xuất nguồn gốc, bảo quản, logistics, chế biến và xây dựng thương hiệu. Sản xuất ở một số nơi còn manh mún, liên kết giữa vùng trồng, cơ sở đóng gói và doanh nghiệp chưa chặt chẽ, trong khi các quy định kỹ thuật của thị trường nhập khẩu ngày càng khắt khe.



Thứ trưởng Bộ NN và Môi trường Võ Văn Hưng phát biểu tại hội nghị





Chế biến sầu riêng tại nhà máy chế biến trái cây xuất khẩu Chánh Thu Đắk Lắk

Từ vùng trồng đến hệ sinh thái chuỗi giá trị

Tỉnh Đắk Lắk hiện định hướng thu hút đầu tư vào các khâu then chốt của chuỗi giá trị sầu riêng, thể hiện qua 9 biên bản ghi nhớ hợp tác, trị giá gần 9.000 tỷ đồng được trao tại Diễn đàn. Các nội dung hợp tác tập trung vào xây dựng tổ hợp chợ đầu mối, trung tâm thu mua, kiểm định, chiếu xạ, logistics, xuất khẩu và chế biến sâu với tổng giá trị ước tính 1.600 tỷ đồng; xây dựng kho lạnh quy mô khoảng 3 ha, vốn đầu tư khoảng 400 tỷ đồng; nghiên cứu đầu tư khu nông nghiệp công nghệ cao và cụm công nghiệp chế biến sâu với tổng mức đầu tư ước tính 2.700 tỷ đồng.

Một số hợp tác hướng tới ứng dụng công nghệ sinh học, bảo quản sau thu hoạch không hóa chất và kết nối thị trường Đài Loan, với giá trị đầu tư ước tính 500 tỷ đồng; xây dựng Chợ đầu mối nông sản Krông Năng tích hợp logistics xanh, sơ chế, chế biến, kho lạnh, kiểm định và xuất khẩu, quy mô 25 ha, tổng giá trị ước tính 2.500 tỷ đồng.

Chuyển đổi số cũng được đưa vào chuỗi giá trị thông qua hợp tác thiết lập chuỗi phòng thí nghiệm chuẩn quốc tế và truy xuất nguồn gốc số tại Đắk Lắk. Cùng với đó là các chuỗi liên kết khép kín, kết nối vùng trồng với cung ứng vật tư, đóng gói, truy xuất nguồn gốc và doanh nghiệp nhập khẩu.

Khuyến nông đồng hành cùng chuỗi canh tác bền vững

Điểm nhấn của chương trình là Lễ ký kết hợp tác Chuỗi canh tác ngành hàng sầu riêng bền vững, với sự tham gia của các nhóm cung ứng giống, tư vấn và hỗ trợ kỹ thuật; ngân hàng; cung ứng vật tư; đại diện vùng trồng; thu mua, chế biến, tiêu thụ và cung cấp giải pháp số hóa.

Trong nhóm cung ứng giống, tư vấn và hỗ trợ kỹ thuật có Viện Khoa học Kỹ thuật Nông lâm nghiệp Tây Nguyên và Trung tâm Khuyến nông Đắk Lắk, cùng doanh nghiệp cung cấp giải pháp kỹ thuật.

Sự tham gia của lực lượng khuyến nông trong chuỗi liên kết có ý nghĩa quan trọng trong việc kết nối tiến bộ kỹ thuật với người sản xuất, hỗ trợ chuẩn hóa quy trình và tổ chức sản xuất theo yêu cầu của thị trường. Đây cũng là hướng phù hợp với yêu cầu nâng cao chất lượng ngành hàng, khi người sản xuất không chỉ cần thị trường đầu ra mà còn cần được hỗ trợ về kỹ thuật, quản lý vùng trồng, truy xuất nguồn gốc và kiểm soát chất lượng.

Thứ trưởng Võ Văn Hưng cho rằng, để ngành hàng phát triển bền vững, không một chủ thể nào có thể làm được một mình. Nhà nước cần hoàn thiện cơ chế, chính sách; địa phương tổ chức tốt sản xuất và quản lý vùng nguyên liệu; doanh nghiệp kết nối thị trường, đầu tư chế biến, bảo quản và xây dựng thương hiệu; hợp tác xã là cầu nối giữa doanh nghiệp và người sản xuất; còn nông dân là chủ thể trực tiếp tạo ra chất lượng sản phẩm. Thứ trưởng kỳ vọng các cam kết hợp tác tại Diễn đàn sớm được cụ thể hóa thành những vùng nguyên liệu được tổ chức bài bản, chuỗi liên kết thực chất, dự án đầu tư hiệu quả và các hợp đồng thương mại bền vững, mang lại lợi ích thiết thực cho doanh nghiệp và người nông dân.

Từ sản lượng đến giá trị và thương hiệu

Bên cạnh việc giữ vững thị trường Trung Quốc bằng chất lượng và nguồn cung ổn định, ngành sầu riêng cần chủ động khai thác các thị trường mới, mở rộng thị trường trong nước và các kênh phân phối hiện đại. Đẩy mạnh chế biến sâu, phát triển logistics và đa dạng hóa sản phẩm sẽ góp phần giảm áp lực tiêu thụ quả tươi trong thời gian ngắn, nâng cao giá trị gia tăng và giảm rủi ro thị trường.

Thông điệp xuyên suốt hội nghị là ngành hàng sầu riêng Đắk Lắk cần chuyển từ tư duy mùa vụ sang tư duy ngành hàng; từ chạy theo sản lượng sang nâng cao chất lượng, giá trị và xây dựng thương hiệu; từ những liên kết riêng lẻ sang một hệ sinh thái có sự tham gia của Nhà nước, doanh nghiệp, hợp tác xã, nông dân, nhà khoa học, tổ chức tài chính, công nghệ và lực lượng khuyến nông. Đây là nền tảng để sầu riêng Đắk Lắk nâng cao chất lượng, gia tăng giá trị, phát triển bền vững và khẳng định vị thế trên thị trường quốc tế.

MINH CHÂU



HỢP TÁC NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM – ANGOLA TỪ KHẢO SÁT THỰC ĐỊA ĐẾN KHUNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Trong bối cảnh quan hệ hữu nghị truyền thống Việt Nam – Angola ngày càng sâu sắc, hợp tác nông lâm nghiệp đã trở thành một trong những trụ cột quan trọng, góp phần hiện thực hóa các cam kết cấp cao và thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội bền vững. Sau chuyến thăm cấp Nhà nước của Chủ tịch nước Việt Nam tới Angola vào tháng 8 năm 2025 và việc ký kết Kế hoạch hành động hợp tác nông nghiệp giai đoạn 2025–2030 giữa Bộ Nông nghiệp và Môi trường Việt Nam với Bộ Nông nghiệp và Lâm nghiệp Angola, hai bên đã nhanh chóng chuyển từ định hướng chính sách sang các bước triển khai cụ thể trên thực địa.

Vào tháng 6 năm 2026, đoàn công tác do Bộ trưởng Nông nghiệp và Lâm nghiệp Isaac Francisco Maria dos Anjos dẫn đầu đã có chuyến thăm Việt Nam. Chuyến đi nhằm làm sâu sắc hợp tác song phương, tập trung vào chuyển giao công nghệ, hỗ trợ kỹ thuật, đào tạo cán bộ và thúc đẩy đầu tư chung. Phía Angola bày tỏ mong muốn học hỏi kinh nghiệm Việt Nam trong khuyến nông; sản xuất lúa, sắn, lâm nghiệp bền vững và phát triển chuỗi giá trị, đồng thời khẳng định sẵn sàng tạo điều kiện thuận lợi để hiện thực hóa các dự án trong khuôn khổ hợp tác Nam – Nam. Trong khuôn khổ chuyến thăm, Đoàn đã có buổi làm việc với Trung tâm Khuyến nông quốc gia nhằm cụ thể hóa Kế hoạch hành động hợp tác nông nghiệp giai đoạn 2025–2030. Hai bên thống nhất xác định khuyến nông, chuyển giao công nghệ và phát triển nguồn nhân lực là những nội dung hợp tác ưu tiên. Trung tâm Khuyến nông quốc gia chia sẻ kinh nghiệm xây dựng hệ thống khuyến nông từ trung ương đến cơ sở, cơ chế kết nối giữa nghiên cứu, chuyển giao và sản xuất; đồng thời khẳng định sẽ đồng hành cùng Angola trong đào tạo cán bộ kỹ thuật, xây dựng các mô hình trình diễn, chuyển giao quy trình sản xuất và tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị, góp phần giúp các tiến bộ kỹ thuật được áp dụng hiệu quả và bền vững trong thực tiễn.

Tiếp nối động lực đó, từ ngày 11 đến 30 tháng 7 năm 2026, đoàn khảo sát nông nghiệp Việt Nam gồm 5 thành viên do ông Nguyễn Trọng Khanh làm trưởng đoàn, cùng các chuyên gia Cao Minh Tuấn (Phó Giám đốc Trung tâm Khuyến nông quốc gia), Phạm Quốc Hùng, Phạm Văn Nghĩa và Cao Đức Sơn đã có chuyến công tác toàn diện tại Angola. Đoàn phối hợp chặt chẽ với cán bộ Bộ Nông nghiệp và Lâm nghiệp Angola, Viện Phát triển Nông nghiệp (IDA) và Viện Nghiên cứu Nông nghiệp (IIA). Lịch trình khảo sát trải dài qua nhiều tỉnh thành: từ làm việc tại Bộ ở Luanda, trao đổi với IDA và IIA, đến khảo sát thực địa tại Munenga, Xixila (Cuanza Sul), Huambo, Bie, Cuchi (Cubango), Chinguar, Cela 6 và Canza (Lunda Norte).

Đoàn đã trực tiếp đánh giá điều kiện đất đai, khí hậu, hệ thống thủy lợi, hiện trạng canh tác lúa, sắn, đậu tương, cây lâm nghiệp; thăm các mô hình nông hộ, nhà máy chế biến, vườn ươm, khu



Đoàn thăm và khảo sát mô hình trồng sắn, đậu tương quy mô nông hộ tại tỉnh Cuanza Sul



Đoàn thăm và làm việc tại khu vườn giống cây lâm nghiệp tại Huambo

thí nghiệm và hệ thống khuyến nông. Tại Canza (Lunda Norte) – vùng có tiềm năng lớn với canh tác lúa - đoàn ghi nhận cơ hội phát triển mạnh mẽ nếu hạ tầng giao thông được cải thiện. Các hoạt động kết thúc bằng buổi báo cáo với Đại sứ quán Việt Nam tại Angola, họp nhóm xây dựng khung hợp tác và làm việc với Bộ trưởng Angola vào ngày 28–29/7, ký kết Khung hợp tác "Phát triển nông nghiệp và lâm nghiệp bền vững tại Angola".

Khung dự án đặt mục tiêu chung là khai thác hiệu quả tiềm năng đất đai, khí hậu và tài nguyên thiên nhiên của Angola để bảo đảm an ninh lương thực, nâng cao thu nhập người dân, bảo vệ môi trường và thích ứng biến đổi khí hậu. Các mục tiêu cụ thể bao gồm tăng năng suất các cây trồng chủ lực (sắn, lúa, ngô, đậu tương), chuyển từ sản xuất nhỏ lẻ sang hàng hóa quy mô lớn, sử dụng bền vững tài nguyên đất – nước, hiện đại hóa sản xuất và phát triển chuỗi giá trị.

Nội dung hợp tác được xây dựng toàn diện, tập trung vào các hợp phần chính:

Với cây sắn: nghiên cứu chọn tạo giống chịu hạn, kháng bệnh, năng suất cao; tiếp tục xây dựng vùng nguyên liệu quy mô lớn tại Xixila, Cela 6 và các địa bàn phù hợp.

Với cây lúa: chọn tạo giống phù hợp điều kiện Angola; xây dựng mô hình năng suất cao tại Cela 6 và vùng Canza cùng các lưu vực sông.

Đối với đậu tương hướng tới vùng sản xuất quy mô lớn phục vụ tiêu thụ nội địa và xuất khẩu; cà phê tập trung phục hồi các vùng truyền thống tại Uige, Cuanza Norte và Cuanza Sul.

Ngoài ra, khung dự án đề xuất phát triển tre, chè, cây thức ăn chăn nuôi kết hợp chăn nuôi gia súc, và đặc biệt là lâm nghiệp bền vững với mục tiêu trồng và phục hồi trên diện tích lớn, áp dụng tiêu chuẩn quản lý rừng quốc tế.

Hợp phần khuyến nông tích hợp được xác định là then chốt trong quá trình triển khai Khung hợp tác. Trên cơ sở kinh nghiệm thực tiễn của hệ thống khuyến nông Việt Nam, Trung tâm Khuyến nông quốc gia sẽ phối hợp với các cơ quan chuyên môn của Angola xây dựng mạng lưới khuyến nông, phát triển các mô hình trình diễn, tổ chức đào tạo theo phương pháp "cầm tay chỉ việc", chuyển giao các quy trình kỹ thuật phù hợp với điều kiện sinh thái của Angola và từng bước phát triển hệ thống khuyến nông số. Đồng thời, hai bên sẽ chia sẻ kinh nghiệm liên kết nông dân – hợp tác xã – doanh nghiệp theo chuỗi giá trị, góp phần nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ kỹ thuật và người sản xuất, bảo đảm hiệu quả lâu dài của các chương trình hợp tác.

Kết quả khảo sát thực địa tháng 7 năm 2026 và Khung hợp tác vừa được ký kết không chỉ cụ thể hóa các cam kết chính trị cấp cao mà còn mở ra lộ trình rõ ràng, khả thi cho giai đoạn 2027–2037. Đây là bước tiến thực chất của hợp tác Nam – Nam, nơi kinh nghiệm thực tiễn của Việt Nam được chia sẻ một cách thiết thực, phù hợp với điều kiện Angola, góp phần đa dạng hóa nền kinh tế, tạo việc làm và bảo đảm an ninh lương thực lâu dài. Trong đó, khuyến nông và chuyển giao công nghệ sẽ là cầu nối đưa các tiến bộ kỹ thuật, mô hình sản xuất hiệu quả và kinh nghiệm tổ chức sản xuất của Việt Nam đến với nông dân Angola. Với sự đồng hành của Chính phủ hai nước, doanh nghiệp và cộng đồng địa phương, hợp tác nông nghiệp Việt Nam – Angola hứa hẹn sẽ trở thành mô hình thành công, mang lại lợi ích thiết thực cho nhân dân hai nước và lan tỏa giá trị của tình đoàn kết quốc tế.

CAO MINH TUẤN
Trung tâm Khuyến nông quốc gia

TẬP HUẤN KHUYẾN NÔNG VỀ SẢN XUẤT SẦU RIÊNG AN TOÀN VÀ TRIỂN KHAI MÃ SỐ VÙNG TRỒNG, MÃ SỐ CƠ SỞ ĐÓNG GÓI

Trong 2 ngày 11 và 12/8/2026, tại tỉnh Đắk Lắk, Trung tâm Khuyến nông quốc gia phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đắk Lắk tổ chức Lớp tập huấn đã hướng dẫn quy trình sản xuất sầu riêng an toàn, theo tiêu chuẩn chất lượng, thích ứng biến đổi khí hậu và triển khai Nghị quyết số 36/2026/NQ-CP ngày 31/7/2026 của Chính phủ quy định đơn giản hóa thủ tục hành chính về mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói.

Chương trình tập huấn tập trung phổ biến các quy định mới và hệ thống khuyến nông tham gia triển khai mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói với quy trình thao tác chuẩn (SOP) trong sản xuất sầu riêng phục vụ xuất khẩu cho đội ngũ cán bộ khuyến nông cơ sở trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; đồng thời tổ chức thông tin, truyền thông hoạt động khuyến nông trong hỗ trợ, hướng dẫn doanh nghiệp, hợp tác xã và người sản xuất triển khai đăng ký, quản lý và duy trì mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói...

Ông Lê Quốc Thanh - Giám đốc Trung tâm Khuyến nông quốc gia cho biết, mã số vùng trồng và mã số cơ sở đóng gói là nền tảng của hệ thống truy xuất nguồn gốc, góp phần bảo đảm tính minh bạch, an toàn và chất lượng nông sản, đồng thời là yêu cầu bắt buộc đối với nhiều thị trường nhập khẩu. Việc xây dựng, quản lý và duy trì mã số không chỉ đáp ứng các quy định của Việt Nam mà còn là điều kiện quan trọng để nâng cao năng lực cạnh tranh, mở rộng thị trường và phát triển xuất khẩu nông sản theo hướng bền vững.

Năm 2026 đánh dấu bước chuyển quan trọng trong công tác quản lý mã số vùng trồng và mã số cơ sở đóng gói với việc ban hành Nghị định số 38/2026/NĐ-CP ngày 24/1/2026 quy định về nhập khẩu cây mang theo bầu đất và mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói, cùng Nghị quyết số 36/2026/NQ-CP ngày 31/7/2026 về đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường. Những quy định mới đã chuyển mạnh từ phương thức quản lý hành chính truyền thống sang quản lý trên môi trường số, phân cấp thẩm quyền về Ủy ban nhân dân cấp xã, rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục, đồng thời tăng cường hậu kiểm nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước.



Các học viên trao đổi kinh nghiệm sản xuất tại vườn sầu riêng trên địa bàn xã Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.



Trong bối cảnh đó, hệ thống khuyến nông giữ vai trò tuyên truyền, hướng dẫn và hỗ trợ người sản xuất, hợp tác xã và doanh nghiệp thực hiện đúng các quy định về đăng ký, thực hiện và duy trì mã số. Với mạng lưới rộng khắp từ Trung ương đến địa phương và gắn bó chặt chẽ với cơ sở, cán bộ khuyến nông là cầu nối quan trọng đưa chính sách vào thực tiễn, hỗ trợ người dân tiếp cận quy trình mới, thực hiện hồ sơ đúng quy định và duy trì hiệu quả các điều kiện của mã số sau khi được cấp.

Ông Lê Quốc Thanh, Giám đốc Trung tâm Khuyến nông Quốc gia, nhấn mạnh vai trò "cầm tay chỉ việc" của khuyến nông trong đưa mã số vùng trồng đến tận nông hộ. Ông Thanh cho rằng, việc đăng ký mã số vùng trồng trên Cổng Dịch vụ công là bước tiến quan trọng, nhưng hiệu quả cuối cùng phụ thuộc vào khả năng thực thi ở cơ sở. Vì vậy, khuyến nông phải là lực lượng "cầm tay chỉ việc", giúp nông dân thao tác từng bước và duy trì mã số sau khi được cấp.



Giám đốc Trung tâm KNQG tặng tài liệu cho các học viên tham gia lớp tập huấn.



Tại buổi tập huấn, Trung tâm Khuyến nông quốc gia đã trao tặng Tài liệu "Hướng dẫn đăng ký, thực hiện và duy trì mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói" theo Nghị định số 38/2026/NĐ-CP và Nghị quyết số 36/2026/NQ-CP phục vụ công tác đào tạo, tập huấn và hướng dẫn thực hành cho cán bộ khuyến nông các cấp, đồng thời là tài liệu tham khảo hữu ích cho cán bộ Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan chuyên môn, hợp tác xã, doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân liên quan.

Nội dung tài liệu tập trung vào việc làm rõ các quy định mới của pháp luật, hướng dẫn quy trình đăng ký và quản lý mã số trên môi trường điện tử, hỗ trợ giải đáp những tình huống thường gặp trong thực tiễn; đồng thời cung cấp các phương pháp tổ chức tuyên truyền, tập huấn và hỗ trợ người sản xuất duy trì điều kiện của mã số, đáp ứng yêu cầu hậu kiểm và truy xuất nguồn gốc.

Trong khuôn khổ chương trình tập huấn, các đại biểu cùng các học viên đã đi tham quan mô hình trồng sầu riêng được cấp mã số vùng trồng trên địa bàn xã Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk. Tại đây, các học viên được trao đổi với chủ vườn về quy trình tổ chức sản xuất, quản lý nhật ký canh tác, truy xuất nguồn gốc và duy trì điều kiện của mã số vùng trồng. Tiếp đó, tại nhà sơ chế, đóng gói sầu riêng xuất khẩu của Công ty Cổ phần Tập đoàn xuất – nhập khẩu trái cây Chánh Thu, các học viên được các chuyên gia trực tiếp hướng dẫn quy trình tiếp nhận nguyên liệu, phân loại, sơ chế, đóng gói, truy xuất nguồn gốc và các yêu cầu kỹ thuật phục vụ xuất khẩu. Điều này giúp học viên quan sát toàn bộ chuỗi giá trị từ vùng trồng đến cơ sở đóng gói, từ đó có đủ năng lực hỗ trợ người dân và doanh nghiệp triển khai các quy định mới tại địa phương.

Thông qua lớp tập huấn, Trung tâm Khuyến nông quốc gia kỳ vọng xây dựng đội ngũ cán bộ khuyến nông có đủ kiến thức, kỹ năng và phương pháp để trở thành lực lượng nòng cốt hỗ trợ chính quyền cơ sở, hợp tác xã, doanh nghiệp và người dân triển khai hiệu quả Nghị quyết số 36. Từ đây, sẽ góp phần đẩy nhanh tiến độ cấp và quản lý mã số vùng trồng, nâng cao năng lực truy xuất nguồn gốc, phát triển vùng nguyên liệu bền vững và gia tăng giá trị, sức cạnh tranh của nông sản Việt Nam trên thị trường quốc tế.

HÀ VŨ



KHUYẾN NÔNG ĐƯA QUY ĐỊNH VỀ MÃ SỐ VÙNG TRỒNG, MÃ SỐ CƠ SỞ ĐÓNG GÓI ĐẾN CƠ SỞ

Ngày 20/8/2026, tại Hà Nội, Trung tâm Khuyến nông quốc gia, Bộ Nông nghiệp và Môi trường phối hợp với Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Cục Chuyển đổi số tổ chức lớp tập huấn khuyến nông hướng dẫn triển khai quy định về mã số vùng trồng (MSVT), mã số cơ sở đóng gói (MSCSĐG) theo hình thức trực tiếp kết hợp trực tuyến quy mô toàn quốc.

Phát biểu khai mạc lớp tập huấn, ông Nghiêm Quang Tuấn, Phó Cục trưởng Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, nhấn mạnh yêu cầu triển khai Nghị quyết số 36/2026/NQ-CP ngày 31/7/2026 của Chính phủ về đơn giản hóa thủ tục hành chính về MSVT, MSCSĐG, đồng thời cập nhật đồng bộ các quy định tại Nghị định số 38/2026/NĐ-CP của Chính phủ liên quan đến MSVT, MSCSĐG.

Đây là những quy định tác động trực tiếp đến quá trình xây dựng, đăng ký, quản lý và duy trì mã số - công cụ ngày càng quan trọng trong tổ chức sản xuất, truy xuất nguồn gốc, xây dựng vùng nguyên liệu, tiêu thụ và xuất khẩu nông sản. Vì vậy, việc trang bị kiến thức thống nhất cho đội ngũ khuyến nông các cấp có ý nghĩa quan trọng, giúp lực lượng khuyến nông và khuyến nông cộng đồng trở thành cầu nối đưa chính sách đến gần hơn với người sản xuất, HTX, doanh nghiệp.

Từ phổ biến chính sách đến "cầm tay chỉ việc"

Điểm nhấn của lớp tập huấn không chỉ nằm ở việc cập nhật quy định mới về MSVT, MSCSĐG mà ở cách Trung tâm Khuyến nông quốc gia xác định vai trò của hệ thống khuyến nông trong quá trình đưa chính sách vào thực tiễn.

Theo ông Lê Quốc Thanh - Giám đốc Trung tâm Khuyến nông quốc gia, MSVT, MSCSĐG không chỉ là yêu cầu trong quản lý sản xuất hay một thủ tục hành chính cần hoàn thành. Trong điều kiện thị trường ngày càng yêu cầu cao về truy xuất nguồn gốc, chất lượng và tính minh bạch của sản phẩm, mã số ngày càng gắn chặt với tổ chức vùng nguyên liệu, liên kết chuỗi và khả năng tiếp cận thị trường. Vì vậy, khuyến nông phải chuyển từ cách làm chủ yếu là tuyên truyền, phổ biến sang trực tiếp đồng hành, hỗ trợ cơ sở. Theo tinh thần được lãnh đạo Trung tâm nhấn mạnh, khuyến nông cần thực hiện theo hướng "cầm tay chỉ việc", giúp người sản xuất và các chủ thể liên quan hiểu đúng quy định, chuẩn bị đúng điều kiện, thao tác đúng quy trình đăng ký và quan trọng hơn là duy trì mã số sau khi được cấp.

Đây cũng là yêu cầu đặt ra đối với đội ngũ khuyến nông cấp xã và Tổ khuyến nông cộng đồng - lực

lượng gần dân, sát cơ sở và có điều kiện trực tiếp hướng dẫn người sản xuất. Từ việc chuẩn bị hồ sơ, kê khai thông tin, thực hiện đăng ký điện tử đến ghi chép nhật ký sản xuất, truy xuất nguồn gốc và duy trì các điều kiện của mã số, khuyến nông có thể trở thành lực lượng hỗ trợ thường xuyên cho cơ sở.

Hình thành mạng lưới hỗ trợ từ Trung ương đến cơ sở

Để biến chủ trương thành hành động cụ thể, Trung tâm Khuyến nông quốc gia triển khai chương trình đào tạo theo nhiều tầng nấc, từng bước hình thành lực lượng nòng cốt tại địa phương.

Trong tháng 8/2026, Trung tâm tổ chức 6 lớp đào tạo giảng viên nguồn (ToT) tại Gia Lai, Đắk Lắk và Lâm Đồng, với khoảng 40 học viên/lớp, dự kiến hình thành khoảng 240 giảng viên nguồn, cán bộ nòng cốt. Đây sẽ là lực lượng tiếp tục truyền đạt kiến thức, kỹ năng và phương pháp hỗ trợ cho đội ngũ tại địa phương.

Tiếp đó, trong tháng 9/2026, Trung tâm tổ chức 6 lớp tập huấn cho người sản xuất (ToF) tại 3 địa phương trên, với khoảng 240 học viên. Cùng với đào tạo trực tiếp, Trung tâm xây dựng hệ thống tài liệu hỗ trợ gồm sổ tay, video hướng dẫn, trong đó có tài liệu hướng dẫn đăng ký điện tử MSVT, MSCSĐG trên Cổng Dịch vụ công quốc gia và video hướng dẫn kê khai, nộp hồ sơ trực tuyến.

Cách tổ chức này tạo thành một mạng lưới hỗ trợ nhiều tầng: Trung tâm Khuyến nông quốc gia xây dựng tài liệu chuẩn và đào tạo giảng viên nguồn; lực lượng khuyến nông địa phương tiếp tục tập huấn, điều phối; khuyến nông cấp xã và Tổ khuyến nông cộng đồng trực tiếp hướng dẫn tại cơ sở; HTX, doanh nghiệp và người sản xuất là chủ thể thực hiện và duy trì các yêu cầu của mã số.

Gắn mã số với sản xuất, truy xuất và thị trường

Theo ông Lê Quốc Thanh, hiệu quả của chính sách không nên chỉ được nhìn nhận qua số lượng mã số được cấp mà quan trọng hơn là khả năng duy trì, phát huy giá trị của mã số trong tổ chức sản xuất và phát triển thị trường.

Trên tinh thần đó, các hoạt động khuyến nông sẽ lồng ghép nội dung xây dựng, đăng ký, quản lý và duy trì MSVT, MSCSĐG với hướng dẫn sản xuất an toàn, truy xuất nguồn gốc, đăng ký điện tử và tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị. Khuyến nông đồng thời phối hợp hỗ trợ xây dựng vùng nguyên liệu, vận động các hộ sản xuất liên kết trong tổ hợp tác, HTX, tăng cường kết nối giữa vùng trồng, cơ sở đóng gói và doanh nghiệp.

Trong tháng 9 và tháng 10/2026, Trung tâm Khuyến nông quốc gia tiếp tục tổ chức các tọa đàm, diễn đàn chuyên đề để trao đổi khó khăn, chia sẻ kinh nghiệm và giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý, duy trì mã số; đồng thời tăng cường kết nối giữa cơ quan quản lý, hệ thống khuyến nông, doanh nghiệp, HTX và người sản xuất.

Mục tiêu cuối cùng không chỉ là "cấp được mã số" mà là "duy trì được mã số và phát huy được giá trị của mã", qua đó gắn quản lý mã số với tổ chức sản xuất, truy xuất nguồn gốc, liên kết chuỗi và thị trường; góp phần đưa chính sách vào cuộc sống và nâng cao giá trị, sức cạnh tranh của nông sản Việt Nam.



ĐỖ TUẤN - VIỆT OANH
Trung tâm Khuyến nông quốc gia

AI, IOT
TỪNG BƯỚC THAY ĐỔI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP



Trong hai ngày 12 - 13/8/2026, tại tỉnh Thái Nguyên, Trung tâm Khuyến nông quốc gia phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên tổ chức Hội thảo "Ứng dụng AI và IoT trong sản xuất nông nghiệp thông minh". Hội thảo có sự tham gia của đại diện cơ quan quản lý, hệ thống khuyến nông, các viện nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp công nghệ, hợp tác xã và các đơn vị liên quan, các địa phương khu vực trung du và miền núi phía Bắc.

Phát biểu khai mạc hội thảo, PGS.TS Lê Quốc Thanh - Giám đốc Trung tâm Khuyến nông quốc gia cho rằng, trong bối cảnh sản xuất nông nghiệp đặt ra yêu cầu ngày càng cao về năng suất, chất lượng, hiệu quả sử dụng tài nguyên và phát triển bền vững; ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số, trong đó có AI và IoT là một trong những hướng đi cần được thúc đẩy.

Dữ liệu trở thành nền tảng của sản xuất thông minh

Một trong những nội dung được tập trung thảo luận là vai trò của dữ liệu trong sản xuất nông nghiệp thông minh. IoT cho phép các thiết bị, cảm biến thu thập dữ liệu trực tiếp từ môi trường sản xuất. Trên cơ sở đó, các công cụ phân tích và AI có thể hỗ trợ nhận diện bất thường, dự báo và cung cấp thông tin phục vụ quá trình ra quyết định.

Theo ông Lê Tiến Dũng - Phó Giám đốc Trung tâm Khuyến nông và Môi trường tỉnh Thái Nguyên, địa phương đang từng bước đưa IoT, AI, công nghệ sinh học, tự động hóa và truy xuất nguồn gốc vào chuỗi sản xuất, từ giống, canh tác, thu hoạch đến chế biến và tiêu thụ. Trong sản xuất chè, Thái Nguyên đã phối hợp với Viễn thông Thái Nguyên triển khai các giải pháp số tại một số vùng sản xuất trọng điểm. Thông qua ứng dụng VNPT Green, các hợp tác xã, doanh nghiệp từng bước số hóa quy trình chăm sóc, nhật ký canh tác và quản lý vùng nguyên liệu. Hệ thống có khả năng kết nối dữ liệu về mã số vùng trồng, sinh vật gây hại, kiểm dịch thực vật và vật tư đầu vào, hỗ trợ quản lý sản xuất và truy xuất nguồn gốc.

Đến nay, hệ thống đã lưu trữ thông tin của 149 mã số vùng trồng; 45 tổ hợp tác, hợp tác xã và doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh chè được số hóa và hướng dẫn sử dụng ứng dụng VNPT Green. Việc kết nối dữ liệu giữa cơ quan quản lý, đơn vị công nghệ và chủ thể sản xuất tạo thêm cơ sở kiểm soát chất lượng, nâng cao tính minh bạch và phát triển thương hiệu chè Thái Nguyên.

IoT cũng đang được đưa trực tiếp vào các nương chè. Hệ thống tưới tự động kết hợp cảm biến có thể theo dõi độ ẩm, pH, nhiệt độ đất và kích hoạt tưới khi độ ẩm xuống dưới ngưỡng cài đặt. Theo thông tin chia sẻ tại hội thảo, giải pháp giúp tiết kiệm khoảng 30 - 40% lượng nước tưới.

Cùng với đó, các trạm thời tiết thông minh được sử dụng để theo dõi điều kiện thời tiết, hỗ trợ cảnh báo sương muối, nắng nóng và chu kỳ phát triển của sâu bệnh, giúp người sản xuất chủ động hơn trong chăm sóc cây trồng.

Các đại biểu tham quan dây chuyền sản xuất và đóng gói của Công ty Chè Hảo Đạt





Không chỉ dừng ở sản xuất, chuyển đổi số còn được ứng dụng trong truy xuất nguồn gốc, quảng bá và tiêu thụ sản phẩm. Thông tin được số hóa giúp người tiêu dùng kiểm tra nguồn gốc bằng mã QR. Các nền tảng thương mại điện tử, mạng xã hội, livestream và chatbot AI mở thêm kênh để hợp tác xã, doanh nghiệp giới thiệu sản phẩm và tương tác với khách hàng.

Theo ông Cao Minh Tuấn - Phó Giám đốc Trung tâm Khuyến nông quốc gia, ngành nông nghiệp và môi trường đang đối mặt với nhiều thách thức về năng suất, chất lượng sản phẩm và tính bền vững. Việc ứng dụng công nghệ số, đặc biệt là IoT đang mở ra những hướng đi mới để nông nghiệp phát triển theo hướng hiện đại, thông minh và bền vững.

Công nghệ phải xuất phát từ nhu cầu thực tế

Tại phiên thảo luận, các đại biểu tập trung trao đổi giải pháp thúc đẩy kết nối giữa cơ quan quản lý, viện nghiên cứu, doanh nghiệp công nghệ, hệ thống khuyến nông, hợp tác xã và địa phương trong ứng dụng AI, IoT vào sản xuất.

Các ý kiến cho rằng, ứng dụng công nghệ phải xuất phát từ yêu cầu thực tế, phù hợp với điều kiện địa hình, khí hậu, quy mô sản xuất và khả năng đầu tư của từng đối tượng. Xây dựng cơ sở dữ liệu đồng bộ, tăng khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu và nâng cao năng lực sử dụng công nghệ cho cán bộ kỹ thuật, hợp tác xã, người dân là những yếu tố quan trọng để AI, IoT phát huy hiệu quả.

Ứng dụng AI và IoT trong nông nghiệp không đơn thuần là đầu tư thiết bị mà là quá trình thay đổi phương thức quản lý, tổ chức sản xuất theo hướng dựa trên dữ liệu. Từ những mô hình thực tế tại Thái Nguyên, công nghệ đang từng bước hỗ trợ người sản xuất giám sát chính xác hơn các điều kiện sản xuất, sử dụng hiệu quả vật tư, tài nguyên, nâng cao khả năng truy xuất nguồn gốc và đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường.

Trong thời gian tới, hệ thống khuyến nông sẽ tiếp tục hoàn thiện hạ tầng số, xây dựng các mô hình trình diễn gắn với doanh nghiệp, hợp tác xã; đẩy mạnh đào tạo dựa trên dữ liệu thực tế và học từ xa; đồng thời tăng cường phối hợp với viện nghiên cứu, trường đại học và doanh nghiệp công nghệ để lựa chọn, chuyển giao những giải pháp phù hợp với điều kiện sản xuất của từng địa phương.

Từ mô hình đến thực tiễn

Trong khuôn khổ hội thảo, các đại biểu tham quan mô hình đổi chè ứng dụng IoT trong hệ thống tưới tại Công ty chè Hảo Đạt và mô hình khuyến nông "Sản xuất chè theo tiêu chuẩn hữu cơ Việt Nam" tại HTX Trà và Du lịch cộng đồng Tiến Yên.

Tại Công ty chè Hảo Đạt, các đại biểu tìm hiểu việc ứng dụng thiết bị IoT và hệ thống tưới phục vụ sản xuất chè. Việc đưa cảm biến và thiết bị điều khiển vào sản xuất cho phép theo dõi các thông số môi trường, hỗ trợ xác định nhu cầu tưới, từng bước chuyển từ phương thức quản lý chủ yếu dựa trên kinh nghiệm sang quản lý dựa trên dữ liệu.

Tại HTX Trà và Du lịch cộng đồng Tiến Yên, các đại biểu trao đổi về quy trình sản xuất chè hữu cơ, tổ chức sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm và khả năng kết hợp sản xuất nông nghiệp với hoạt động giới thiệu sản phẩm, trải nghiệm và du lịch cộng đồng.

Hoạt động tham quan thực tế tạo điều kiện để đại biểu trực tiếp tiếp cận mô hình, trao đổi với đơn vị sản xuất về hiệu quả, khả năng vận hành cũng như những khó khăn khi đưa công nghệ mới vào thực tiễn sản xuất.



CHUẨN HÓA VÙNG TRỒNG: CHÌA KHÓA ĐỂ DUY TRÌ MÃ SỐ VÙNG TRỒNG

Để góp phần triển khai Nghị quyết số 36/2026/NQ-CP về đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói, ngày 25/8/2026, tại tỉnh Lâm Đồng, Trung tâm Khuyến nông quốc gia tổ chức lớp tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ khuyến nông và lực lượng khuyến nông cộng đồng về sản xuất chanh leo an toàn, đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Nội dung tập huấn bao quát từ quy trình trồng theo Quy trình thao tác chuẩn (SOP) cho chuỗi giá trị chanh leo xuất khẩu, chăm sóc, thu hoạch đến sơ chế, bảo quản và liên kết tiêu thụ sản phẩm. Trong đó, các giảng viên nhấn mạnh, tuân thủ quy trình kỹ thuật không chỉ là điều kiện để được cấp mã số vùng trồng mà còn là yếu tố quyết định khả năng duy trì mã số trong suốt quá trình sản xuất. Mã số vùng trồng chỉ thực sự phát huy giá trị khi vùng sản xuất duy trì ổn định các yêu cầu về quy trình, chất lượng, an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc.



Học viên tham quan nhà máy chế biến chanh leo của Công ty Nafoods



Học viên được trang bị thêm nhiều kiến thức, kỹ năng để đồng hành cùng nông dân

Theo ông Lê Quốc Thanh, Giám đốc Trung tâm Khuyến nông Quốc gia, sau khi được cấp mã số vùng trồng, vấn đề quan trọng là duy trì các điều kiện sản xuất đáp ứng yêu cầu của từng thị trường. Vì vậy, cán bộ khuyến nông cơ sở cần thường xuyên đồng hành cùng người dân, từ hỗ trợ khai báo, hoàn thiện hồ sơ đến hướng dẫn quy trình sản xuất, đồng thời cảnh báo những nguy cơ có thể dẫn đến vi phạm các điều kiện của mã số vùng trồng.

Thông qua lớp tập huấn, cán bộ khuyến nông được trang bị thêm kiến thức và kỹ năng để chuyển các quy định về mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói, truy xuất nguồn gốc và chất lượng thành những yêu cầu, thao tác cụ thể trong sản xuất, qua đó hỗ trợ người dân thực hiện đúng và duy trì ổn định các tiêu chuẩn của vùng trồng.

Trong chương trình, đoàn công tác và học viên đã tham quan mô hình chanh leo của hộ ông Trần Văn Tấn, quy mô khoảng 8.000 m^2, trồng hai giống chanh leo tím ngọt và tím chua. Vườn sản xuất theo hướng VietGAP, ứng dụng màng phủ nông nghiệp và hệ thống tưới nhỏ giọt kết hợp cung cấp dinh dưỡng. Năng suất dự kiến đạt khoảng 100 tấn/chu kỳ, lợi nhuận trên 1 tỷ đồng sau khi trừ chi phí. Tuy nhiên, sản phẩm hiện chủ yếu được tiêu thụ qua thương lái tại chợ truyền thống. Thực tế này cho thấy, để nâng cao giá trị sản phẩm, người dân cần tiếp tục hoàn thiện quy trình sản xuất, thực hiện tốt truy xuất nguồn gốc, duy trì mã số vùng trồng và tăng cường liên kết với doanh nghiệp chế biến, tiêu thụ.

Đoàn cũng khảo sát Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thương mại Blue Ocean tại Lâm Hà, doanh nghiệp có nhà máy công suất trên 10.000 tấn sản phẩm/năm và từng xuất khẩu lô chanh leo tươi đầu tiên của Việt Nam sang Australia. Đây là minh chứng cho tiềm năng của chuỗi chanh leo khi vùng nguyên liệu được tổ chức bài bản, chất lượng được kiểm soát và sản xuất gắn với nhu cầu thị trường.

Từ thực tế tại Lâm Đồng có thể thấy, mã số vùng trồng chỉ thực sự phát huy hiệu quả khi được đặt trong tổng thể quá trình tổ chức sản xuất. Khi nông dân tuân thủ quy trình, hợp tác xã tổ chức tốt vùng nguyên liệu, doanh nghiệp tham gia liên kết và lực lượng khuyến nông đồng hành sát với cơ sở, sản phẩm chanh leo sẽ có thêm điều kiện nâng cao giá trị, đáp ứng yêu cầu thị trường và mở rộng cơ hội xuất khẩu.

LÂM PHONG

TẬP HUẤN NÂNG CAO PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ NĂNG CHO ĐỘI NGŨ CÁN BỘ KHUYẾN NÔNG



Toàn cảnh lớp tập huấn

Từ ngày 12/8 đến ngày 14/8/2026, Trung tâm Khuyến nông quốc gia phối hợp với Trung tâm Khuyến nông tỉnh Ninh Bình tổ chức lớp "Tập huấn phương pháp, kỹ năng khuyến nông", thuộc nội dung "Tập huấn nghiệp vụ, phương pháp khuyến nông".

Tham dự lớp tập huấn có ông Trần Văn Kỳ, Giám đốc Trung tâm Khuyến nông Ninh Bình, GVC.TS. Vũ Thị Bích Thuận - Trưởng khoa Quản lý nhà nước, Trường Đào tạo, Bồi dưỡng cán bộ Nông nghiệp và Môi trường (Học viện Nông nghiệp Việt Nam); Đại diện Phòng Đào tạo huấn luyện, Trung tâm Khuyến nông quốc gia cùng 40 học viên là các cán bộ khuyến nông tỉnh, cán bộ khuyến nông cơ sở của tỉnh Ninh Bình. ☞



Tham quan mô hình trong khuôn khổ lớp tập huấn



Các đại biểu, học viên chụp ảnh lưu niệm

Lớp tập huấn được tổ chức nhằm trang bị, cập nhật cho học viên những kiến thức cơ bản về phát triển nông nghiệp, nông thôn và hoạt động khuyến nông trong bối cảnh mới; đồng thời nâng cao năng lực tổ chức huấn luyện nông dân, truyền thông và triển khai các hoạt động khuyến nông gắn với xây dựng nông thôn mới.

Trong thời gian học lý thuyết, các học viên được các giảng viên trao đổi 4 chuyên đề trọng tâm gồm: Phát triển nông nghiệp trong bối cảnh mới; Phương pháp truyền thông khuyến nông; Khuyến nông trong xây dựng nông thôn mới; Phương pháp huấn luyện nông dân.

Thông qua các chuyên đề, học viên được cập nhật kiến thức về định hướng phát triển nông nghiệp, nông thôn trong bối cảnh mới, nhận thức rõ hơn vai trò của hệ thống khuyến nông trong quá trình phát triển sản xuất và xây dựng nông thôn mới. Bên cạnh đó, những kiến thức và kỹ năng thiết thực về truyền thông, thuyết trình, điều hành thảo luận, hướng dẫn thực hành và tổ chức huấn luyện nông dân cũng được giảng viên chú trọng trao đổi.

Điểm nổi bật của lớp tập huấn là phương pháp giảng dạy lấy học viên làm trung tâm, tăng cường tương tác hai chiều giữa giảng viên và người học. Bên cạnh phần thuyết trình có ví dụ thực tế minh họa, học viên được tham gia trao đổi, thảo luận, chia sẻ những tình huống thường gặp trong quá trình làm công tác khuyến nông tại cơ sở.

Qua đó, học viên từng bước nâng cao khả năng lựa chọn hình thức tập huấn phù hợp, xây dựng kế hoạch và tổ chức huấn luyện nông dân; vận dụng kỹ năng thuyết trình, điều hành thảo luận, hướng dẫn thực hành cũng như lựa chọn phương pháp và phương tiện truyền thông phù hợp với từng nhóm đối tượng. Đây là những kỹ năng quan trọng giúp hoạt động chuyển giao tiến bộ kỹ thuật đến người dân trở nên dễ hiểu, thiết thực và hiệu quả hơn.

Bên cạnh nội dung lý thuyết, lớp tập huấn dành 1 ngày cho học viên tham quan, học tập thực tế tại xã Khánh Trung và xã Hải Tiến, tỉnh Ninh Bình.

Tại các mô hình, học viên được trực tiếp quan sát quá trình tổ chức sản xuất, trao đổi với cán bộ kỹ thuật và các chủ thể sản xuất về kinh nghiệm thực tiễn, những thuận lợi, khó khăn cũng như hiệu quả của mô hình. Hoạt động tham quan không chỉ giúp củng cố kiến thức đã học mà còn tạo điều kiện để học viên liên hệ giữa nội dung tập huấn với thực tiễn sản xuất tại cơ sở.

Cuối khoá học, các học viên lớp tập huấn được đánh giá năng lực bằng một bài kiểm tra trắc nghiệm gồm 30 câu hỏi và đạt kết quả cao.

Sau 3 ngày học tập, trao đổi và tham quan thực tế, lớp tập huấn đã hoàn thành các nội dung chương trình đề ra. Thông qua khóa học, học viên được nâng cao kiến thức, phương pháp và kỹ năng huấn luyện, truyền thông khuyến nông; đồng thời có thêm kinh nghiệm trong tổ chức các hoạt động tập huấn, tư vấn và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật phù hợp với nhu cầu của người dân.

Những kiến thức và kỹ năng được trang bị tại lớp tập huấn là cơ sở để đội ngũ cán bộ khuyến nông vận dụng linh hoạt vào thực tiễn công tác, từng bước nâng cao chất lượng hoạt động khuyến nông, hỗ trợ nông dân tiếp cận và áp dụng tiến bộ kỹ thuật, phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập và góp phần thực hiện hiệu quả chương trình xây dựng nông thôn mới tại địa phương.

NGUYỄN THU TRANG
Trung tâm Khuyến nông quốc gia

ĐẨY MẠNH CƠ GIỚI HÓA NÔNG NGHIỆP – GIẢI PHÁP NÂNG CAO NĂNG SUẤT, GIẢM CHI PHÍ, THÍCH ỨNG BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU



Cơ giới hóa trong nông nghiệp giúp giảm phát thải và phát triển bền vững



Giám đốc Trung tâm Khuyến nông quốc gia Lê Quốc Thanh phát biểu tại hội thảo

Đó là chủ đề của Hội thảo do Trung tâm Khuyến nông quốc gia phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức vào ngày 24/7/2026 với sự tham dự của các đại biểu đến từ Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Trung tâm khuyến nông các tỉnh, thành phố vùng Nam Bộ, đại diện nông dân, doanh nghiệp, hiệp hội và cơ quan thông tấn báo chí.

Nông nghiệp Việt Nam đang bước vào giai đoạn chuyển đổi then chốt. Trước áp lực từ biến đổi khí hậu, già hóa lao động và yêu cầu ngày càng cao về tiêu chuẩn xuất khẩu, cơ giới hóa không còn là lựa chọn mà trở thành yêu cầu cấp thiết để nâng cao năng lực cạnh tranh. Tuy nhiên, bức tranh cơ giới hóa vẫn tồn tại nhiều mảng màu chưa đồng nhất. Ngành lúa gạo dẫn đầu với tỷ lệ làm đất đạt trên 95% và thu hoạch trên 90%. Trong khi đó, các ngành hàng như cây ăn quả và rau màu vẫn còn ở mức thấp. Tại hội nghị, các đại biểu đã chỉ ra những "điểm nghẽn" chính hiện nay, bao gồm: cơ giới hóa chủ yếu tập trung ở các khâu đơn lẻ, chưa kết nối thành chuỗi giá trị; hạ tầng đồng ruộng chưa tương thích; thị trường dịch vụ thiếu chuyên nghiệp; công nghiệp cơ khí trong nước chưa đủ năng lực chuyên dụng; dữ liệu phân mảnh; nhân lực vận hành yếu; thiếu cơ chế đo lường kết quả toàn diện.

Trung tâm Khuyến nông quốc gia đề xuất Khung mô hình cơ giới hóa thông minh cho ngành nông nghiệp Việt Nam trên cơ sở ☞

tham khảo Khung Cơ giới hóa nông nghiệp bền vững (SAMA) của FAO và cập nhật các xu hướng phát triển nông nghiệp số trên thế giới. Theo đó, lộ trình phát triển theo hướng cơ giới hóa thông minh với 3 giai đoạn trọng tâm:

Giai đoạn 2026 - 2028: Tập trung chuẩn hóa dữ liệu, xây dựng các mô hình điểm tại các vùng nguyên liệu lúa, cây ăn quả và chăn nuôi.

Giai đoạn 2029–2031: Nhân rộng mô hình theo chuỗi giá trị, hình thành mạng lưới trung tâm dịch vụ cơ giới hóa chuyên nghiệp.

Giai đoạn 2032–2035: Tích hợp hoàn toàn tự động hóa, robot và AI; thương mại hóa dữ liệu cơ giới hóa để tham gia thị trường carbon.

Hội thảo nhận được nhiều ý kiến đóng góp giá trị của các Cục, Viện nghiên cứu để thúc đẩy ứng dụng cơ giới hóa nông nghiệp bền vững, hiệu quả: Chuyển từ hỗ trợ hộ nông dân sở hữu máy cá nhân sang phát triển thị trường dịch vụ cơ giới hóa chuyên nghiệp; Đẩy mạnh cơ giới hóa đồng bộ gắn với các quy chuẩn kỹ thuật và tiêu chuẩn đánh giá giảm phát thải (MRV); Nghiên cứu và làm chủ các công nghệ lõi như robot nông nghiệp, máy tự hành và thiết bị điện hóa để phục vụ nông nghiệp xanh; Cơ giới hóa và tự động hóa đồng bộ để tái cấu trúc hệ thống sản xuất lúa gạo vùng ĐBSCL; Ứng dụng nông nghiệp thông minh và vật liệu mới để thích ứng với biến đổi khí hậu.

Trung tâm Khuyến nông các tỉnh đưa ra nhiều giải pháp gắn với địa phương như hoàn thiện cơ chế hỗ trợ đầu tư cho các thiết bị thông minh; Phát triển cơ giới hóa nông nghiệp đô thị với các thiết bị nhỏ gọn, đa năng, tiết kiệm năng lượng và phù hợp với quy mô nhỏ lẻ; Xây dựng HTX kiểu mới làm trung tâm để tổ chức sản xuất quy mô lớn gắn với kinh tế tuần hoàn; Cơ giới hóa đặc thù vùng ven biển, thích ứng với nền đất mềm yếu và môi trường mặn phèn; Đẩy mạnh cơ giới hóa nông nghiệp thông minh gắn với chuyển đổi số; Xây dựng cánh đồng lớn chuyên canh lúa phát thải thấp gắn với không gian vận hành máy móc công suất lớn...

Giám đốc Trung tâm Khuyến nông quốc gia Lê Quốc Thanh cho rằng: Cơ giới hóa giai đoạn mới phải được triển khai như một hệ sinh thái tích hợp. Hệ thống khuyến nông sẽ làm cầu nối giữa nông dân, hợp tác xã, doanh nghiệp và viện, trường. Việc xây dựng mô hình, đào tạo vận hành thiết bị, quản trị dữ liệu và tổ chức dịch vụ sẽ giúp công nghệ được chuyển giao phù hợp với từng vùng. Cơ giới hóa thông minh phải gắn với đổi mới tổ chức sản xuất, phát triển hạ tầng dữ liệu và bảo đảm nông dân là chủ thể hưởng lợi.

Trong khuôn khổ hội thảo, các đại biểu đã tham quan triển lãm Công nghệ máy móc nông nghiệp Quốc tế Việt Nam - sự kiện trưng bày và giới thiệu nhiều thiết bị, giải pháp cơ giới hóa hiện đại, hỗ trợ định hướng lựa chọn công nghệ cho ngành nông nghiệp.

Ngành lúa gạo dẫn đầu về tỷ lệ cơ giới hóa trong nông nghiệp



BBT

GẮN TRUY XUẤT NGUỒN GỐC VỚI LIÊN KẾT CHUỖI CHĂN NUÔI

Ngày 13 - 14/8/2026, Trung tâm Khuyến nông quốc gia phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường Hải Phòng tổ chức Tọa đàm Khuyến nông với chủ đề "Giải pháp phát triển chăn nuôi gắn với truy xuất nguồn gốc và liên kết tiêu thụ sản phẩm".

Toạ đàm thu hút đông đảo đại diện các cơ quan quản lý, chuyên gia, nhà khoa học, doanh nghiệp, hợp tác xã, chủ trang trại, bà con nông dân các tỉnh/thành phố: Hải Phòng, Hưng Yên và Quảng Ninh.

Phát biểu khai mạc Toạ đàm, ông Lê Quốc Thanh - Giám đốc Trung tâm Khuyến nông quốc gia cho biết, truy xuất nguồn gốc phải bắt đầu từ dữ liệu được hình thành trong quá trình sản xuất và được kiểm soát, từ con giống, thức ăn, thú y, tiêm phòng, phòng chống dịch bệnh, ghi chép quá trình chăn nuôi đến giết mổ, chế biến và phân phối. Truy xuất nguồn gốc phải gắn với thị trường, nếu người chăn nuôi phải bỏ thêm chi phí cho chứng nhận, ghi chép và truy xuất nhưng sản phẩm không có đầu ra ổn định, không bán được giá tốt hơn khó duy trì lâu dài. Toạ đàm sẽ tập trung thảo luận nhằm tháo gỡ các vấn đề: tổ chức lại sản xuất để xây dựng chuỗi liên kết bền vững; hình thành hệ thống truy xuất nguồn gốc; và phát triển thị trường theo chuỗi giá trị.

Ông Vũ Bá Công - Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường Hải Phòng cho biết, năm 2025, giá trị sản xuất chăn nuôi của thành phố đạt trên 13.047 tỷ đồng, chiếm trên 32% giá trị sản xuất nông nghiệp. Hiện thành phố đã hình thành 18 vùng chăn nuôi tập trung, khoảng 200 trang trại hoạt động hiệu quả, 100 cơ sở được chứng nhận an toàn dịch bệnh và 88 sản phẩm chăn nuôi được chứng nhận OCOP; một số cơ sở đã áp dụng VietGAHP và truy xuất nguồn gốc bằng mã QR. Thành phố cũng định hướng quy hoạch 50 khu, vùng chăn nuôi tập trung gắn với giết mổ công nghệ cao đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050. Hải Phòng định hướng chuyển từ tăng đàn, tăng sản lượng sang nâng cao chất lượng, an toàn, truy xuất nguồn gốc, chế biến và tổ chức thị trường; hình thành các chuỗi liên kết đủ mạnh để nâng sức cạnh tranh sản phẩm chăn nuôi. Thành phố hiện có 701 hợp tác xã nông nghiệp, trong đó 32 hợp tác xã chăn nuôi, là lực lượng quan trọng trong tổ chức lại sản xuất, thống nhất quy trình kỹ thuật, kiểm soát chất lượng và kết nối doanh nghiệp. ☞



Các đại biểu thăm mô hình chăn nuôi gà đẻ trứng thương phẩm, chứng nhận VietGAHP, truy xuất nguồn gốc gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm



☞ Báo cáo đề dẫn tại Toạ đàm cho thấy, truy xuất nguồn gốc giúp kiểm soát quá trình sản xuất, chất lượng, an toàn dịch bệnh và minh bạch thông tin; ngược lại, liên kết tiêu thụ tạo đầu ra và động lực kinh tế để người chăn nuôi tuân thủ quy trình, ghi chép và duy trì dữ liệu. Vì vậy, truy xuất không chỉ là tem hay mã QR, mà cốt lõi là dữ liệu phải đầy đủ, tin cậy, có khả năng kiểm tra và kết nối từ sản xuất đến giết mổ, chế biến và phân phối.

Thực tiễn cho thấy truy xuất nguồn gốc và tổ chức sản xuất theo chuỗi đang từng bước được mở rộng. Tại Hà Nội, đến năm 2025 đã hình thành 172 chuỗi liên kết và cấp mã truy xuất cho trên 14.000 sản phẩm. Bộ Nông nghiệp và Môi trường cũng đã ra mắt Hệ thống truy xuất nguồn gốc nông sản Việt Nam vào cuối năm 2025 và ban hành kế hoạch triển khai vào đầu năm 2026, tạo cơ sở từng bước chuẩn hóa, kết nối và quản lý dữ liệu phục vụ quản lý và thị trường.

Thông qua các dự án khuyến nông trung ương và hoạt động khuyến nông tại địa phương, hệ thống khuyến nông đã phối hợp với cơ quan chuyên môn, doanh nghiệp, hợp tác xã và người chăn nuôi xây dựng nhiều mô hình theo hướng an toàn sinh học, VietGAHP, kiểm soát chất lượng, phát triển vùng nguyên liệu, truy xuất nguồn gốc và liên kết tiêu thụ. Một số mô hình hiệu quả đã được nhân rộng như: Mô hình chăn nuôi lợn theo VietGAHP gắn với truy xuất nguồn gốc và liên kết tiêu thụ, giá bán cao hơn 5 - 10% với một số chuỗi liên kết với các doanh nghiệp, góp phần phát triển thương hiệu"Thịt Heo Quế Lâm", ''Xúc xích Công Danh", "Thịt lợn tươi Thiên Thuận Tường"...; Mô hình chăn nuôi gia cầm an toàn sinh học gắn với xây dựng thương hiệu và thị trường hình thành các thương hiệu "Gà đồi Tân Tiến", "Gà ủ muối Ba Vì"...; Mô hình chăn nuôi bò theo VietGAHP, phát triển vùng nguyên liệu gắn với chuỗi giá trị tăng hiệu quả 19,7 - 23,5% với các sản phẩm như "Thịt bò H'Mông Cát Lý - Hà Giang", "Thịt bò chất lượng cao HLBC"...; Mô hình phát triển vật nuôi bản địa hình thành các sản phẩm OCOP 3 sao, 4 sao như "Mật ong Tâm An", "Mật ong Bồ Đề", "Mật ong Bắc Hà", "Mật ong Sú Vẹt".

Bên cạnh những kết quả tích cực, phát triển chăn nuôi gắn với truy xuất nguồn gốc vẫn vấp phải không ít nút thắt. Nhiều nơi sản xuất vẫn còn nhỏ lẻ, phân tán; liên kết chuỗi thiếu tính bền vững. Công tác ghi chép và cập nhật dữ liệu chưa được thực hiện thường xuyên. Hạ tầng giết mổ, chế biến, bảo quản cùng hệ thống logistics chưa đồng bộ.

Tại Toạ đàm, các đại biểu tập trung trao đổi những khó khăn, vướng mắc trong tổ chức sản xuất, an toàn dịch bệnh, phát triển chuỗi, truy xuất nguồn gốc, liên kết tiêu thụ và gắn sản xuất với nhu cầu thị trường; đồng thời đề xuất giải pháp về cơ chế chính sách, khoa học công nghệ, chuyển đổi số và minh bạch thông tin truy xuất.

Trong khuôn khổ Toạ đàm, chiều ngày 13/8/2026 các đại biểu đã đi thăm mô hình chăn nuôi gà trứng thương phẩm, chứng nhận VietGAHP, truy xuất nguồn gốc gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm tại Hợp tác xã sản xuất kinh doanh và Dịch vụ Chăn nuôi Duy Nhất - thôn Cẩm Khê, xã Tiên Minh, thành phố Hải Phòng. Đây là cơ sở để các đại biểu trao đổi, thảo luận tại toạ đàm.

Kết luận Toạ đàm, ông Lê Minh Lịnh - Phó Giám đốc Trung tâm Khuyến nông quốc gia cho biết, hơn 20 câu hỏi trực tiếp tại Toạ đàm đã được Ban chủ toạ, Ban cố vấn Toạ đàm giải đáp thoả đáng. Trung tâm sẽ tiếp thu, tổng hợp đầy đủ các ý kiến, kiến nghị và đề xuất của các đại biểu tại tọa đàm làm cơ sở báo cáo, tham mưu phục vụ công tác chỉ đạo của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan chuyên ngành trong phát triển chăn nuôi theo chuỗi giá trị, tăng cường truy xuất nguồn gốc, bảo đảm chất lượng, an toàn thực phẩm và gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm. Đồng thời phối hợp với các địa phương, doanh nghiệp, hợp tác xã và các đơn vị liên quan để thúc đẩy triển khai các giải pháp phù hợp trong thực tiễn.



THÚY HIÊN - ÁNH NGUYỆT
Trung tâm Khuyến nông quốc gia

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NGÀNH ONG: TỪ QUY MÔ ĐẾN CHẤT LƯỢNG VÀ THƯƠNG HIỆU



Phó Giám đốc Trung tâm Khuyến nông quốc gia Lê Minh Lịnh kết luận diễn đàn

Trong hai ngày 20 - 21/7/2026, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Ninh Bình tổ chức Diễn đàn Khuyến nông @ Nông nghiệp với chủ đề "Giải pháp phát triển nuôi ong bền vững gắn với thương hiệu sản phẩm". Sự kiện quy tụ các cơ quan quản lý, chuyên gia, doanh nghiệp, hợp tác xã cùng đông đảo hộ nuôi ong nhằm tháo gỡ khó khăn, tìm giải pháp nâng cao giá trị ngành ong Việt Nam.

Việt Nam hiện là một trong những quốc gia xuất khẩu mật ong lớn trên thế giới, thị trường chủ lực là Hoa Kỳ và EU. Cả nước có khoảng 1,3 - 1,4 triệu đàn ong, hơn 35.000 hộ sản xuất và 31 doanh nghiệp xuất khẩu. Sản lượng mật ong đạt trên 57.000 tấn (năm 2024) và ước đạt 59.225 tấn (năm 2025). Tuy nhiên, ngành ong đang đứng trước nhiều rào cản lớn:

Việt Nam đang có trên 35.000 hộ tham gia nuôi ong



Sản xuất manh mún: Quy mô chủ yếu nhỏ lẻ, phân tán, chất lượng sản phẩm thiếu đồng đều.

Chuỗi giá trị yếu: Liên kết giữa hộ nuôi, hợp tác xã và doanh nghiệp chưa chặt chẽ; công tác xây dựng thương hiệu chưa được đầu tư đúng mức.

Sức ép thương mại: Từ năm 2022, việc Hoa Kỳ áp thuế chống bán phá giá đã tác động mạnh đến kim ngạch xuất khẩu và thu nhập người nuôi ong.

Thực tế này đòi hỏi ngành ong phải chuyển dịch chiến lược: Từ phát triển theo sản lượng sang tập trung nâng cao giá trị, chất lượng, truy xuất nguồn gốc và xây dựng thương hiệu.

Tại Diễn đàn, đại biểu và bà con nông dân đã nghe các báo cáo tham luận về giải pháp nâng cao chất lượng giống ong, áp dụng đồng bộ quy trình kỹ thuật, kiểm soát dịch bệnh và bảo đảm an toàn thực phẩm; tổ chức lại sản xuất, phát triển tổ hợp tác, hợp tác xã và tăng cường liên kết chuỗi giá trị giữa người nuôi ong, hợp tác xã và doanh nghiệp; xây dựng và quản trị thương hiệu gắn với chất lượng, nguồn gốc, đặc trưng vùng sinh thái; phát triển sản phẩm OCOP, nhãn hiệu tập thể, chỉ dẫn địa lý và mở rộng thị trường.

Đại diện Cục Chăn nuôi và Thú y cho biết, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã phê duyệt Đề án "Phát triển bền vững ngành ong đến năm 2030". Đề án hướng tới xây dựng ngành ong hiện đại, chuyên nghiệp, gắn với chuỗi giá trị, truy xuất nguồn gốc, chế biến sâu, bảo vệ đa dạng sinh học và nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm ong.

Tại Diễn đàn, các đại biểu thống nhất nhận định phát triển bền vững ngành ong không chỉ dựa vào mở rộng quy mô mà cần tổ chức lại sản xuất theo chuỗi giá trị, gắn chặt giữa người nuôi ong, doanh nghiệp chế biến, tiêu thụ và cơ quan quản lý. Trong đó, xây dựng thương hiệu, nâng cao chất lượng sản phẩm và đáp ứng các tiêu chuẩn của thị trường là yếu tố quyết định để nâng cao sức cạnh tranh của mật ong Việt Nam. Nhóm giải pháp căn cơ được Diễn đàn đề xuất là:

Về giống: Đẩy mạnh chọn tạo giống chất lượng cao, áp dụng quy trình kỹ thuật đồng bộ và kiểm soát dịch bệnh.

Về tổ chức sản xuất: Hình thành các vùng nuôi tập trung theo lợi thế sinh thái; phát triển tổ hợp tác, hợp tác xã nhằm kết nối bền vững với doanh nghiệp.

Về chế biến sâu và xây dựng thương hiệu: Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư công nghệ chế biến nhằm đa dạng hóa sản phẩm, giảm phụ thuộc vào xuất khẩu mật ong nguyên liệu. Xây dựng thương hiệu quốc gia, chỉ dẫn địa lý và nhãn hiệu tập thể gắn với OCOP.

Về truy xuất nguồn gốc gắn với chuyển đổi số: Xây dựng cơ sở dữ liệu ngành và ứng dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc điện tử để minh bạch thông tin, đáp ứng các tiêu chuẩn khắt khe của thị trường nội địa lẫn quốc tế.

Kết luận diễn đàn, TS. Lê Minh Lịnh, Phó Giám đốc Trung tâm Khuyến nông quốc gia cho biết, ban tổ chức trực tiếp giải đáp hơn 20 câu hỏi của bà con để liên quan đến chính sách, kiểm soát dịch bệnh, chất lượng và an toàn thực phẩm, chế biến, xây dựng thương hiệu, phát triển thị trường xuất khẩu ong. Những trao đổi, kiến nghị từ diễn đàn sẽ là cơ sở quan trọng để cơ quan quản lý và hệ thống khuyến nông tiếp tục hoàn thiện chính sách, nhân rộng các mô hình hiệu quả, đưa ngành ong Việt Nam phát triển chuyên nghiệp và hội nhập bền vững.

Trong khuôn khổ diễn đàn, các đại biểu đã tham quan mô hình nuôi ong gắn với hệ sinh thái rừng ngập mặn tại Vườn Quốc gia Xuân Thủy (xã Giao Minh, tỉnh Ninh Bình). Đây là dự án do Trung tâm Khuyến nông Quốc gia triển khai. Nhờ khai thác nguồn hoa sú, vẹt tự nhiên, mô hình đã xây dựng thành công nhãn hiệu chứng nhận "Mật ong rừng sú vẹt Vườn quốc gia Xuân Thủy", đạt chứng nhận OCOP 4 sao và được công nhận là sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh năm 2025. Đây là minh chứng thực tế cho hướng đi nâng cao giá trị gia tăng gắn với bảo tồn sinh thái.



THANH THÚY
Trung tâm Khuyến nông quốc gia

CANH TÁC SẦU RIÊNG THÍCH ỨNG VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀ ĐÁP ỨNG THỊ TRƯỜNG NHẬP KHẨU



Ngày 16 - 17/8/2026, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đắk Lắk tổ chức Tọa đàm "Canh tác sầu riêng thích ứng với biến đổi khí hậu và đáp ứng theo tiêu chuẩn của thị trường nhập khẩu".

Những năm gần đây, sầu riêng trở thành một trong những ngành hàng nổi bật của nông nghiệp Việt Nam, góp phần quan trọng vào kim ngạch xuất khẩu rau quả và tạo sinh kế, thu nhập cho hàng trăm nghìn hộ dân. Theo báo cáo của Trung tâm Khuyến nông quốc gia, đến năm 2026, diện tích sầu riêng cả nước ước khoảng 200.000 ha, phân bố tại các vùng sinh thái như Tây Nguyên, Đồng bằng sông Cửu Long, Đông Nam Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ.

Cùng với sự gia tăng về diện tích và sản lượng, giá trị xuất khẩu sầu riêng cũng tăng mạnh. Năm 2025, kim ngạch xuất khẩu sầu riêng Việt Nam tiến gần 4 tỷ USD, vượt đáng kể mức 3,2 tỷ USD của năm 2024. Trong 6 tháng đầu năm 2026, xuất khẩu đạt khoảng 1,085 tỷ USD. Sầu riêng Việt Nam đã tiếp cận 28 thị trường, trong đó Trung Quốc vẫn chiếm trên 90% tổng giá trị xuất khẩu. Bên cạnh đó, các thị trường ASEAN, Bắc Mỹ, châu Âu và đặc biệt là Ấn Độ đang mở ra thêm cơ hội cho ngành hàng.

Tuy nhiên, cơ hội càng lớn thì yêu cầu và thách thức đối với ngành sầu riêng càng cao. Biến đổi khí hậu đang tác động ngày càng rõ đến sản xuất tại các vùng trồng trọng điểm. Hạn hán, thiếu nước tưới, mưa trái mùa, nắng nóng, bão, lũ, xâm nhập mặn và các hiện tượng thời tiết ☞



cực đoan ảnh hưởng trực tiếp đến sinh trưởng, ra hoa, đậu quả, năng suất và chất lượng sản phẩm.

Một thách thức khác là yêu cầu chuyển từ "trồng được" sang "xuất khẩu được". Sầu riêng Việt Nam phải đáp ứng ngày càng nghiêm ngặt các quy định về an toàn thực phẩm, kiểm dịch thực vật, dư lượng hóa chất, kim loại nặng, chất cấm, mã số vùng trồng (MSVT) và mã số cơ sở đóng gói (CSĐG).

Theo báo cáo tại Tọa đàm, đến tháng 5/2026, cả nước có 9.546 mã số vùng trồng và 1.525 mã số cơ sở đóng gói phục vụ xuất khẩu nhiều loại nông sản; riêng thị trường Trung Quốc có 4.323 mã số vùng trồng và 1.332 cơ sở đóng gói được phê duyệt. Tuy nhiên, từ năm 2025 đến nay đã xuất hiện hàng trăm trường hợp bị cảnh báo không tuân thủ, trong đó nhiều mã số vùng trồng và cơ sở đóng gói bị tạm dừng hoặc thu hồi.

Những con số này cho thấy mã số không phải là "tấm vé" để xuất khẩu một lần, mà là cam kết phải được duy trì bằng chất lượng và tính tuân thủ trong suốt quá trình sản xuất, thu hoạch, đóng gói và xuất khẩu. Việc kiểm soát Cadimi, Vàng O và các chỉ tiêu an toàn thực phẩm cũng không thể chỉ thực hiện ở khâu cuối cùng mà cần được kiểm soát ngay từ đầu vào và trong toàn bộ quá trình canh tác. Người sản xuất cần biết rõ vật tư được sử dụng, sử dụng đúng cách, đúng thời điểm; ghi chép đầy đủ quá trình sản xuất, tuân thủ quy trình, bảo đảm khả năng truy xuất nguồn gốc và tuyệt đối không sử dụng hóa chất cấm. Đây chính là sự chuyển đổi từ "sản xuất để bán" sang "sản xuất theo yêu cầu của thị trường".

Bên cạnh đó, ngành sầu riêng cần đặc biệt lưu ý việc phát triển diện tích gắn với quy hoạch. Khi diện tích đã tăng nhanh, việc tiếp tục mở rộng tại những vùng không phù hợp về đất đai, nguồn nước hoặc điều kiện sinh thái có thể làm gia tăng nguy cơ dư cung, dịch bệnh, suy thoái đất và thiệt hại cho người sản xuất.

Phát biểu tại Tọa đàm, lãnh đạo Trung tâm Khuyến nông quốc gia xác định hệ thống khuyến nông sẽ tiếp tục đồng hành, đóng vai trò cầu nối giữa chính sách, khoa học công nghệ và thực tiễn sản xuất. Cùng với địa phương, hợp tác xã và doanh nghiệp, hệ thống khuyến nông tập trung chuyển giao quy trình kỹ thuật, xây dựng mô hình canh tác thích ứng với biến đổi khí hậu, hỗ trợ người dân thực hiện và duy trì các điều kiện của mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói; đồng thời tăng cường đào tạo, tập huấn, nâng cao năng lực cho cán bộ khuyến nông và người sản xuất.

Mỗi vùng trồng đạt chuẩn, mỗi cơ sở đóng gói tuân thủ, mỗi hộ nông dân sản xuất có trách nhiệm chính là một viên gạch xây dựng thương hiệu "Sầu riêng Việt Nam", hướng tới một ngành hàng xanh, an toàn và bền vững với tinh thần thích ứng linh hoạt, chuẩn hóa chất lượng, minh bạch chuỗi giá trị và phát triển bền vững.

Trong khuôn khổ Tọa đàm, đại biểu đã tham quan vườn sầu riêng đang trong giai đoạn thu hoạch, đã được cấp mã số vùng trồng. Tại đây, đại diện Trung tâm Khuyến nông quốc gia và Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật giải đáp các thắc mắc, hướng dẫn những nội dung liên quan đến đăng ký mã số vùng trồng trên Cổng Dịch vụ công quốc gia theo Nghị quyết 36/2026/NQ-CP ngày 31/7/2026 về quy định đơn giản hóa thủ tục hành chính về mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói.



QUANG VINH
Trung tâm Khuyến nông quốc gia



Lào Cai

XÂY DỰNG THÔN THÔNG MINH, THÔN SỐ

Tỉnh Lào Cai vừa ban hành kế hoạch triển khai xây dựng Thôn số, Thôn thông minh giai đoạn 2026-2030 nhằm chuyển trọng tâm từ xây dựng mô hình điểm sang từng bước mở rộng diện bao phủ, đưa các ứng dụng số trở thành một phần trong quản lý, sản xuất, kinh doanh và đời sống tại cộng đồng dân cư.

Đến năm 2030, Lào Cai phấn đấu có 551 Thôn số mức cơ bản, 320 Thôn số mức nâng cao và 160 Thôn thông minh. Theo lộ trình, giai đoạn 2026-2027, 100% xã, phường sẽ rà soát hiện trạng theo Bộ tiêu chí và xây dựng kế hoạch triển khai. Mỗi xã, phường phấn đấu có trên 30% số thôn, tổ dân phố đạt Thôn số mức cơ bản. Từ năm 2028 - 2030, có 100% xã, phường hoàn thành xây dựng các thôn, tổ dân phố đáp ứng tiêu chí Thôn số mức cơ bản; tối thiểu 20% đạt mức nâng cao và 10% đạt chuẩn Thôn thông minh.

Điểm nhấn của kế hoạch là khuyến khích người dân trở thành chủ thể tham gia quá trình chuyển đổi số tại cộng đồng. Người dân được sử dụng dịch vụ số, thanh toán không dùng tiền mặt, thương mại điện tử và các ứng dụng phục vụ sản xuất, kinh doanh, học tập và đời sống. Vì vậy không chỉ là hoàn thành các tiêu chí hạ tầng, mà phải hình thành thói quen sử dụng công nghệ số trong cộng đồng dân cư. Khi các dịch vụ số được sử dụng thường xuyên, chuyển đổi số mới thực sự tạo ra giá trị ở cơ sở.

Trong giai đoạn đầu, 25 xã, phường được lựa chọn xây dựng Thôn số mức nâng cao và Thôn thông minh, gồm: Âu Lâu, Cam Đường, Cầu Thia, Lào Cai, Nam Cường, Nghĩa Lộ, Sa Pa, Trung Tâm, Yên Bái, Văn Phú, Văn Bàn, Lục Yên, Văn Chấn, Mường Khương, Bắc Hà, Bảo Thắng, Mù Cang Chải, Trấn Yên, Bảo Yên, Si Ma Cai, Mậu A, Thác Bà, Phong Hải, Gia Phú và Hạnh Phúc.



Cán bộ khuyến nông Lào Cai hướng dẫn bà con truy cập nền tảng số

Việc đánh giá, thẩm định và công nhận mô hình được thực hiện theo từng cấp. Hằng năm Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các địa phương, đơn vị liên quan thực hiện đánh giá, công nhận Thôn thông minh.

Với mục tiêu 160 Thôn thông minh và 871 Thôn số vào năm 2030, Lào Cai triển khai kế hoạch chuyển đổi số ở cơ sở với lộ trình cụ thể hơn: từ mô hình điểm đến nhân rộng, từ đầu tư hạ tầng đến thay đổi cách người dân sử dụng công nghệ, qua đó từng bước hình thành môi trường số thiết thực, an toàn và thuận tiện ngay tại cộng đồng dân cư./.

LƯU HÒA
Trung tâm Khuyến nông Lào Cai





Làm nông nghiệp gắn với du lịch trải nghiệm

HƯỚNG ĐI MỚI Ở XÃ MIỀN NÚI TỈNH NGHỆ AN

Từ niềm đam mê với nông nghiệp, Hợp tác xã Nông nghiệp sạch Phùng Huyền, xã Minh Hợp, tỉnh Nghệ An đã mạnh dạn đưa giống nho sữa Hàn Quốc về trồng trên vùng đất miền núi. Không chỉ tập trung sản xuất nông sản an toàn, gia đình còn mở cửa vườn để du khách tham quan, trải nghiệm và tự tay thu hoạch sản phẩm. Cách làm này đang từng bước nâng cao giá trị nông sản, đồng thời mở ra hướng phát triển nông nghiệp gắn với du lịch trải nghiệm tại địa phương.

Khoảng 4 năm trước, sau nhiều năm thực hành và tích lũy kinh nghiệm trong sản xuất nông nghiệp sạch, gia đình ông Phùng quyết định đưa giống nho sữa Hàn Quốc về trồng thử nghiệm. Đây là loại cây còn khá mới tại địa phương, đòi hỏi người trồng phải vừa làm vừa học hỏi, theo dõi và điều chỉnh kỹ thuật.

Từ khâu chọn giống, làm đất, chăm sóc, tạo tán đến phòng trừ sâu bệnh đều được gia đình thực hiện cẩn thận. Quan điểm của gia đình là muốn tạo ra sản phẩm có giá trị thì trước hết phải bảo đảm chất lượng và an toàn. "Làm nông nghiệp phải có sự kiên trì. Cây mới thì mình phải vừa làm vừa học, vừa theo dõi để điều chỉnh kỹ thuật. Đã làm thì phải hướng đến sản phẩm an toàn, chất lượng, để khi khách hàng sử dụng mình cảm thấy yên tâm", ông Phùng chia sẻ.

Sau thời gian chăm sóc, những cây nho sinh trưởng tốt, cho những chùm quả đẹp, chất lượng. Từ kết quả bước đầu, gia đình tiếp tục hoàn thiện kỹ thuật và mở rộng diện tích, từng bước hình thành mô hình sản xuất ổn định.



Ông Phùng kiểm tra độ đường cho chùm nho mà du khách chọn lựa

Điểm đáng chú ý trong cách làm của gia đình Phùng Huyền là không chỉ trồng và bán sản phẩm, mà còn mở cửa vườn để người dân, du khách đến tham quan, trải nghiệm. Đến đây, du khách có thể ngắm những giàn nho xanh mướt, tìm hiểu quá trình chăm sóc và tự tay lựa chọn, thu hoạch những chùm nho mình yêu thích.

Trước khi khách thu hái, ông Phùng trực tiếp dùng máy đo độ đường để kiểm tra chất lượng quả. Khi đạt yêu cầu, du khách có thể tự tay thu hoạch và mua sản phẩm ngay tại vườn. Cách làm này giúp người tiêu dùng trực tiếp nhìn thấy nơi sản phẩm được tạo ra, hiểu hơn về quá trình sản xuất và có thêm trải nghiệm với nông sản.



Sự chỉn chu từ khâu sản xuất, thu hái, đến bao bì sản phẩm

"Khách đến vườn, mình có cơ hội giới thiệu sản phẩm và cách mình làm. Khách tự tay hái quả, được ăn ngay tại vườn thì họ sẽ cảm nhận rõ hơn chất lượng sản phẩm. Mình cũng vui vì công sức của người làm nông được khách hàng nhìn thấy và trân trọng", ông Phùng nói.

Hiện gia đình có khoảng 6.000 m^2 trồng nho, doanh thu đạt hơn 700 triệu đồng mỗi năm. Không chỉ mang lại nguồn thu cho gia đình, mô hình còn góp phần quảng bá sản phẩm nông nghiệp địa phương và tạo thêm một điểm đến trải nghiệm cho người dân trong và ngoài địa bàn.

Trong dịp nghỉ lễ Quốc khánh 2/9 vừa qua, khu vườn trở thành điểm đến của nhiều gia đình. Trong không gian xanh mát, các thành viên có thể cùng nhau tham quan, chụp ảnh, tự tay thu hoạch và thưởng thức trái cây ngay tại vườn. Với những người con xa quê trở về, trải nghiệm này cũng tạo thêm một không gian để sum họp, đồng thời giúp trẻ em hiểu hơn về cây trồng và công việc của người nông dân.

Không dừng lại ở cây nho, gia đình Phùng Huyền đang tiếp tục đa dạng hóa các loại cây ăn quả như táo, ổi, quýt... theo hướng quy hoạch thành từng khu vực, từng bước hình thành mô hình "mùa nào quả ấy". Đây được xem là hướng đi nhằm khai thác hiệu quả diện tích đất, có thêm sản phẩm phục vụ khách tham quan và kéo dài thời gian hoạt động của khu vườn thay vì chỉ tập trung vào một mùa thu hoạch.

Theo ông Phùng, gia đình mong muốn khu vườn không chỉ là nơi sản xuất mà còn trở thành địa điểm để mọi người đến trải nghiệm, nhất là những người con xa quê mỗi khi trở về có thêm một nơi để gặp gỡ gia đình, bạn bè và cảm nhận sản vật quê hương. Thời gian tới, gia đình sẽ tiếp tục hoàn thiện khu vườn, nâng cao chất lượng sản phẩm và nghiên cứu thêm những loại cây phù hợp với điều kiện địa phương.

Từ một khu đất sản xuất nông nghiệp, bằng sự mạnh dạn và tâm huyết, gia đình Phùng Huyền đang từng bước kết hợp giữa nông nghiệp sạch, cây ăn quả và trải nghiệm tại vườn. Câu chuyện này cho thấy, khi người nông dân thay đổi tư duy sản xuất, chú trọng chất lượng và biết khai thác thêm giá trị từ chính sản phẩm của mình, nông nghiệp có thể tạo ra những hướng đi mới.

Giá trị của khu vườn vì thế không chỉ nằm ở những chùm nho hay các loại trái cây được thu hoạch, mà còn ở trải nghiệm dành cho du khách, sự kết nối giữa người sản xuất với người tiêu dùng và câu chuyện về một vùng quê đang tìm cách làm mới nông nghiệp. Đây cũng là một gợi mở cho hướng phát triển nông nghiệp sạch gắn với du lịch trải nghiệm tại các địa bàn miền núi Nghệ An./.



Nụ cười sung sướng trên gương mặt trẻ thơ khi được tự tay thu hái quả



Vườn táo chuẩn bị vào mùa sau khi thu hoạch nho

PHƯƠNG ANH
Trung tâm Cung ứng DVC Tam Hợp

Quảng Trị

LAN TỎA CÁC MÔ HÌNH NÔNG NGHIỆP XANH, BỀN VỮNG

Thời gian qua, ngành nông nghiệp và các địa phương trong tỉnh Quảng Trị đã triển khai, nhân rộng nhiều mô hình sản xuất theo hướng hữu cơ, an toàn sinh học, ứng dụng công nghệ cao. Qua đó, từng bước tạo chuyển biến trong tư duy sản xuất, nâng cao giá trị nông sản và mở ra hướng phát triển xanh, bền vững.



Mô hình trồng cam theo hướng hữu cơ của gia đình ông Trần Văn Thành, thôn Gio Hòa, xã Cồn Tiên

Ông Trần Văn Thành ở thôn Gio Hòa, xã Cồn Tiên có vườn cam rộng hơn 2 ha. Vụ cam năm nay, sản lượng dự kiến đạt 7 - 8 tấn, kỳ vọng mang lại nguồn thu trên 140 triệu đồng. Để có được những trái cam đạt chất lượng, hơn 5 năm qua, ông Thành kiên trì canh tác theo hướng hữu cơ. Năm 2020, được Trung tâm Khuyến nông tỉnh hỗ trợ 1.350 cây giống cam xã Đoài và cam V2, lại được cán bộ khuyến nông hướng dẫn kỹ thuật ông đã chuyển hướng canh tác. Thay vì sử dụng phân bón hóa học, thuốc bảo vệ thực vật như trước đây, ông chuyển sang sử dụng phân chuồng ủ hoai, kết hợp nấm đối kháng Trichoderma và các chế phẩm vi sinh để cải tạo đất, chăm sóc cây và phòng trừ sâu bệnh.

Đến năm 2025, vườn cam của ông mặc dù mới cho thu hoạch bói nhưng đã đạt sản lượng khoảng 5 tấn, giá bán tại vườn 20.000 - 25.000 đồng/kg. Sản phẩm được tiêu thụ trong và ngoài tỉnh.

Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm, cán bộ Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã Cồn Tiên cho biết, cách làm này đang dần tạo sức lan tỏa tại địa phương. Đến nay, đã có thêm 6 hộ trên địa bàn xã chuyển sang trồng cam theo hướng hữu cơ. Với lợi thế quỹ đất vùng gò đồi khá lớn, địa phương đang định hướng phát triển các loại cây ăn quả lâu năm phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng, từng bước hình thành vùng sản xuất tập trung, nâng cao giá trị kinh tế trên cùng đơn vị diện tích.

Còn tại xã Vĩnh Thủy, sau những thiệt hại do dịch tả lợn châu Phi, nhiều hộ chăn nuôi đứng trước tâm lý e ngại tái đàn. Trong bối cảnh đó, mô hình chăn nuôi lợn an toàn sinh học theo hướng hữu cơ được triển khai với sự phối hợp giữa ngành nông nghiệp, chính quyền địa phương và Tập đoàn Quế Lâm. Người dân tham gia được hỗ trợ con giống, được hướng dẫn kỹ thuật thực hiện quy trình chăn nuôi theo hướng kiểm soát chặt chẽ từ đầu vào đến đầu ra.

Ông Cao Xuân Linh, ở thôn Tiên Mỹ 1, một trong những hộ tham gia mô hình cho biết: Khác với cách nuôi truyền thống, khu vực chuồng lợn hậu bị được thiết kế kín, mỗi con một ô riêng biệt. Xung quanh chuồng được quây lưới để hạn chế ruồi, muỗi, gián và các loại côn trùng có thể trở thành vật trung gian truyền bệnh. Chuồng trại được vệ sinh, tiêu

độc, khử trùng thường xuyên. Đệm lót sinh học được sử dụng để xử lý chất thải ngay tại chuồng, giúp giảm mùi hôi và hạn chế ô nhiễm môi trường. Nguồn thức ăn cũng được kiểm soát, phù hợp với quy trình chăn nuôi hữu cơ.

Ông Diệp Hồng Cương- Trưởng phòng Kinh tế xã Vĩnh Thủy thông tin, năm 2025, địa phương đã hỗ trợ 5 hộ dân tham gia mô hình 50% giá trị con giống, mua 15 con lợn hậu bị từ Tập đoàn Quế Lâm. Đến nay, đàn lợn phát triển tốt, chuẩn bị có lợn thương phẩm xuất bán. Theo cam kết, toàn bộ lợn thương phẩm sẽ được Tập đoàn Quế Lâm thu mua với giá 65.000 đồng/kg hơi trong suốt 5 năm.



Mô hình chăn nuôi lợn an toàn sinh học theo hướng hữu cơ tại xã Vĩnh Thủy

Theo Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường Trần Quốc Tuấn, đến nay, toàn tỉnh đã có gần 1.500 ha được chứng nhận hữu cơ; 384 ha lúa canh tác tự nhiên và 619,15 ha sản xuất theo hướng hữu cơ đang hoàn thiện điều kiện chứng nhận. Trong chăn nuôi, 31/43 trang trại quy mô lớn đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi, 100% trang trại quy mô lớn áp dụng quy trình chăn nuôi an toàn sinh học; trên 90% cơ sở chăn nuôi quy mô vừa và nhỏ ứng dụng hầm biogas, đệm lót sinh học và tái sử dụng chất thải trong sản xuất. Toàn tỉnh cũng có trên 417 cơ sở ứng dụng công nghệ cao, 192,7 ha nuôi tôm ứng dụng công nghệ cao. Drone đã được sử dụng trên hơn 22.000 ha lúa, giúp giảm 15-20% lượng thuốc bảo vệ thực vật, giảm 40-50% chi phí phun và nâng hiệu quả kinh tế khoảng 1,5-2,5 triệu đồng/ha/vụ.

Thời gian tới, Quảng Trị tiếp tục cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng xanh, hữu cơ, tuần hoàn và giảm phát thải; mở rộng các vùng sản xuất tập trung gắn với lợi thế từng địa phương, ưu tiên nhân rộng các mô hình sản xuất hiệu quả, phù hợp với điều kiện từng vùng sinh thái. Đồng thời, đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số, công nghệ sinh học; tăng cường xử lý, tái sử dụng phụ phẩm và chất thải; hỗ trợ người dân về vốn, kỹ thuật, chứng nhận tiêu chuẩn, truy xuất nguồn gốc và xây dựng thương hiệu. Cùng với đó, phát huy vai trò của hợp tác xã, doanh nghiệp trong xây dựng vùng nguyên liệu, liên kết sản xuất - chế biến - tiêu thụ, tạo đầu ra ổn định cho nông sản./.



Cơ giới hóa trong sản xuất lúa tỉnh Quảng Trị

LAN ANH - TRẦN THÚY
Trung tâm Khuyến nông Quảng Trị



Người dân tỉnh Đồng Tháp trữ cá mùa lũ

Trữ cá mùa lũ

MÔ HÌNH SINH KẾ THUẬN THIÊN THÍCH ỨNG BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

Tận dụng nguồn nước mùa lũ để phát triển thủy sản, đa dạng hóa sinh kế và nâng cao khả năng thích ứng của người dân là hướng đi đang được triển khai tại hai xã Tràm Chim và Phú Cường, tỉnh Đồng Tháp thông qua mô hình đăng quầng trữ cá mùa lũ.



Người dân thả cá giống vào khu vực đăng quầng trên ruộng

Ngày 28/8/2026, WWF-Việt Nam phối hợp với Trung tâm Khuyến nông tỉnh Đồng Tháp và UBND xã Tràm Chim, xã Phú Cường tổ chức bàn giao, thả cá giống cho các tổ nông dân tham gia mô hình đăng quầng trữ cá mùa lũ. Hoạt động nằm trong khuôn khổ Dự án "Giải pháp thuận thiên thích ứng với biến đổi khí hậu tại vùng Đồng bằng sông Cửu Long (CRxN Mekong), giai đoạn 2026 - 2029".

Mô hình được triển khai với 02 tổ nông dân, tổng diện tích khoảng 150 ha, trong đó xã Tràm Chim 70 ha và xã Phú Cường 80 ha. Thay vì xem mùa lũ chỉ là thời điểm phải ứng phó, mô hình tiếp cận theo hướng "thuận thiên", tận dụng nguồn nước và điều kiện tự nhiên trong mùa lũ để phát triển đối tượng thủy sản phù hợp.

Theo đó, cá giống sau khi được bàn giao sẽ thả trực tiếp vào khu vực đăng quầng trên ruộng. Người dân sử dụng hệ thống lưới, cừ tràm và các vật tư cần thiết để tạo khu vực nuôi, quản lý cá trong điều kiện mặt nước mùa lũ. Cách làm này vừa khai thác được nguồn tài nguyên nước



Mô hình góp phần đa dạng sinh kế và nâng cao thu nhập cho người dân

tự nhiên, vừa tạo thêm hoạt động sản xuất trong mùa lũ, góp phần đa dạng hóa sinh kế và nâng cao thu nhập cho người dân nông thôn.

Tại sự kiện bàn giao và thả cá giống, Trung tâm Khuyến nông và Dịch vụ nông nghiệp tỉnh hướng dẫn người dân các yêu cầu kỹ thuật từ khâu tiếp nhận, vận chuyển đến thả cá giống; đồng thời hướng dẫn quản lý môi trường nước, mật độ nuôi, phòng ngừa dịch bệnh và chăm sóc cá trong quá trình thực hiện mô hình.

Việc hướng dẫn trực tiếp tại hiện trường giúp nông dân nắm được quy trình kỹ thuật và chủ động theo dõi diễn biến của mô hình trong điều kiện sản xuất thực tế. Đây cũng là cách tiếp cận phù hợp với hoạt động khuyến nông hiện nay: không chỉ chuyển giao một kỹ thuật riêng lẻ mà đồng hành cùng người dân trong cả quá trình tổ chức sản xuất, theo dõi, đánh giá và điều chỉnh mô hình.

Điểm đáng chú ý của mô hình đăng quầng trữ cá mùa lũ là sự kết hợp giữa điều kiện tự nhiên của vùng Đồng bằng sông Cửu Long với giải pháp kỹ thuật và tổ chức sản xuất của cộng đồng. Mùa lũ mang theo nguồn nước và nguồn thức ăn tự nhiên, tạo điều kiện để một số loài thủy sản phát triển. Khi được tổ chức sản xuất phù hợp, nguồn tài nguyên này có thể trở thành một phần của sinh kế thay vì chỉ được nhìn nhận dưới góc độ rủi ro.

Tuy nhiên, để mô hình phát huy hiệu quả, việc quản lý cần được thực hiện chặt chẽ. Các tổ nông dân cần thường xuyên theo dõi mực nước, chất lượng môi trường, tình trạng sức khỏe và tốc độ sinh trưởng của cá; chủ động phát hiện các yếu tố bất lợi để có biện pháp xử lý kịp thời.

Về lâu dài, hiệu quả của mô hình không chỉ được đánh giá bằng sản lượng cá thu được mà còn ở khả năng giảm rủi ro sinh kế, tận dụng tốt hơn điều kiện tự nhiên, tăng cường liên kết cộng đồng và nâng cao năng lực thích ứng của người dân trước biến đổi khí hậu.

Đây cũng là hướng tiếp cận phù hợp với yêu cầu chuyển đổi sản xuất nông nghiệp tại Đồng bằng sông Cửu Long theo hướng linh hoạt, giảm phụ thuộc vào một đối tượng sản xuất và khai thác hợp lý các nguồn lực tự nhiên.



Mô hình đăng quầng trữ cá mùa lũ tại Tràm Chim và Phú Cường được kỳ vọng tạo thêm cơ sở thực tiễn để đánh giá khả năng phát triển các mô hình sinh kế thuận thiên tại những khu vực có điều kiện tương đồng.

Trong quá trình thực hiện, việc ghi chép, giám sát các chỉ tiêu về sinh trưởng của cá, sản lượng, chi phí đầu tư, hiệu quả kinh tế cũng như những tác động đối với môi trường sẽ là cơ sở quan trọng để đánh giá mô hình một cách đầy đủ. Nếu đạt hiệu quả, mô hình có thể mở ra hướng khai thác tốt hơn lợi thế mùa lũ, đồng thời góp phần hình thành tư duy sản xuất mới: sống cùng lũ, khai thác hợp lý lợi ích từ lũ và chủ động thích ứng với những thay đổi của điều kiện tự nhiên.

Sự phối hợp giữa WWF-Việt Nam, Trung tâm Khuyến nông và Dịch vụ nông nghiệp tỉnh, chính quyền địa phương, các chuyên gia và cộng đồng nông dân là yếu tố quan trọng để mô hình được triển khai đúng hướng, có sự tham gia thực chất của người dân và từng bước tạo ra những giải pháp sinh kế phù hợp với điều kiện sinh thái của địa phương./.

TRÍ TUỆ
Trung tâm KN và DVNN Đồng Tháp

Nuôi vịt VietGAHP
LIÊN KẾT ĐỂ TĂNG GIÁ TRỊ

Nhằm thúc đẩy chăn nuôi theo hướng hiện đại, an toàn sinh học và nâng cao giá trị gia tăng, năm 2026, Trung tâm Khuyến nông Bắc Ninh triển khai mô hình "Chăn nuôi vịt thịt ứng dụng công nghệ cao, chứng nhận VietGAHP gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm" tại hộ ông Nguyễn Văn Học ở thôn Pha Mác, xã Tiên Lục, tỉnh Bắc Ninh. Mô hình bước đầu cho hiệu quả kinh tế rõ rệt, góp phần thay đổi phương thức sản xuất, hướng tới chăn nuôi an toàn, hiệu quả và bền vững.



Mô hình được triển khai từ tháng 4/2026, quy mô 5.000 con. Tham gia mô hình, ông Học được cán bộ kỹ thuật của Trung tâm Khuyến nông Bắc Ninh hướng dẫn áp dụng đồng bộ các tiến bộ kỹ thuật trong chăn nuôi vịt theo quy trình VietGAHP. Đàn vịt nuôi trong chuồng kín, kiểm soát chặt chẽ thức ăn, nước uống, nhiệt độ, độ ẩm và môi trường chuồng nuôi phù hợp với từng giai đoạn sinh trưởng. Công tác vệ sinh, tiêu độc khử trùng được thực hiện thường xuyên; vắc-xin phòng bệnh được tiêm đầy đủ phòng các bệnh như cúm gia cầm, dịch tả vịt, viêm gan vịt, rụt mỏ vịt, tụ huyết trùng...; Các hoạt động chăm sóc, theo dõi đàn được ghi chép theo quy định.

Sau 56 ngày nuôi, đàn vịt sinh trưởng đồng đều, tỷ lệ nuôi sống đạt 98%, khối lượng bình quân 3,75 kg/con. Tiêu tốn thức ăn ở mức 2,52 kg/kg tăng khối lượng. Với giá bán 57.000 đồng/kg, mô hình cho lợi nhuận trên 120 triệu đồng, cao hơn gần 89 triệu đồng, hiệu quả kinh tế tăng 58,51% so với ngoài mô hình

Theo ông Học, gia đình rất yên tâm triển khai mô hình do được cung cấp con giống, thức ăn bảo đảm chất lượng và hướng dẫn kỹ thuật phòng bệnh cụ thể, kịp thời. Thực hiện quy trình VietGAHP không chỉ giúp đàn vịt sinh trưởng đồng đều, nâng cao tỷ lệ sống mà còn góp phần giảm chi phí thuốc thú y, hạn chế nguy cơ phát sinh dịch bệnh và nâng cao chất lượng sản phẩm. Đến thời điểm xuất bán, Trung tâm Khuyến nông Bắc Ninh còn kết nối với đơn vị bao tiêu sản phẩm với giá cao hơn thị trường 3.000 đồng/kg. Đây là yếu tố quan trọng giúp người chăn nuôi chủ động hơn về đầu ra, giảm áp lực khi thị trường biến động và yên tâm đầu tư sản xuất.

Bà Lã Thị Chất, Trưởng phòng Chăn nuôi - Thủy sản, Trung tâm Khuyến nông Bắc Ninh cho biết, qua triển khai thực tế, mô hình cho hiệu quả kinh tế cao hơn phương thức chăn nuôi truyền thống nhờ giảm chi phí sản xuất, nâng cao tỷ lệ nuôi sống, rút ngắn thời gian nuôi, tăng năng suất và giá bán sản phẩm. Việc ứng dụng công nghệ cao, thực hành chăn nuôi tốt và kiểm soát dịch bệnh cũng góp phần bảo vệ môi trường, giảm phát thải, hướng tới phát triển chăn nuôi an toàn và bền vững.

Thời gian tới, Trung tâm sẽ tiếp tục nhân rộng các mô hình chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao, tăng cường tập huấn, chuyển giao kỹ thuật và hỗ trợ xây dựng các chuỗi liên kết sản xuất - tiêu thụ. Qua đó, góp phần nâng cao thu nhập cho người chăn nuôi, tạo ra sản phẩm an toàn, chất lượng và đáp ứng tốt hơn yêu cầu của thị trường./.

HƯƠNG GIANG
Trung tâm Khuyến nông Bắc Ninh



Kỹ thuật thâm canh tổng hợp cho CÂY MÍT VÙNG TRỒNG CHÍNH Ở CÁC TỈNH PHÍA NAM

(tiếp theo và hết)

3. Quản lý tổng hợp sinh vật gây hại trên cây mít

a. Biện pháp canh tác:

+ Thiết kế vườn phù hợp với đặc điểm của từng vùng, khu vực. Mật độ và khoảng cách trồng phù hợp để cây sinh trưởng và phát triển tốt. Đào hố đúng quy cách, bón lót đúng cách và đảm bảo thời gian từ khi bón lót đến khi trồng từ 3 - 4 tuần.

+ Tưới nước đầy đủ theo từng giai đoạn của cây. Lắp hệ thống tưới nhỏ giọt có cảm biến ẩm độ, giúp tưới đúng nhu cầu. Xây dựng hệ thống thoát nước tốt, đối với khu vực có mực thủy cấp cao cần giữ mực nước ổn định trong vườn cách mặt liếp tối thiểu 0,5 m.

+ Bón phân đúng kỹ thuật, đúng liều lượng theo từng giai đoạn phát triển và nhu cầu của cây. Tăng cường sử dụng phân hữu cơ và làm giàu vi sinh vật có lợi trong đất.

+ Định kỳ cắt cỏ 1,5 - 2 tháng/lần, có thể trồng xen cây ngắn ngày hoặc một số loại cây che phủ đất để hạn chế sự phát triển của cỏ dại vừa có tác dụng cải tạo đất.

+ Tỉa cành, tạo tán đúng kỹ thuật để vườn thông thoáng, vệ sinh vườn thường xuyên để hạn chế nơi trú ẩn của các loài sinh vật gây hại; thu gom, tiêu hủy các bộ phận của cây bị nhiễm sâu bệnh.

+ Xử lý ra hoa đúng kỹ thuật, tránh làm suy cây.

+ Tỉa bỏ quả nhiễm sâu bệnh, chọn giữ lại quả đạt tiêu chuẩn và đảm bảo số lượng quả theo sức nuôi của cây.

☞

b. Biện pháp cơ giới, vật lý:

+ Bao quả: bao quả khi quả được 30 ngày tuổi. Chọn bao những quả phát triển đều, không bị sâu bệnh. Vào mùa nắng, sử dụng túi lưới cước 49 lỗ/cm^2 bên ngoài và bên trong lót bằng túi xốp. Vào mùa mưa, sử dụng túi ni-lon trắng bên ngoài và bên trong lót bằng túi xốp kích thước 50 x 70 cm. Túi ni-lon cắt 2 góc ở đáy túi để tránh đọng nước.

+ Treo bẫy: Treo bẫy bả thức ăn trong vườn để thu hút cả thành trùng đực và cái của ruồi đục quả. Bẫy đèn có ánh sáng màu trắng, vàng, đỏ hoặc xanh lá để thu hút và tiêu diệt thành trùng của sâu đục quả. Bẫy được làm bằng chai nước suối, liều lượng 100 ml chế phẩm/bẫy. Treo 4 bẫy/1.000 m^2, treo bẫy ở vị trí giữa tán cây, đặt theo đường chéo góc trong vườn, thay bẫy 7 ngày/lần. Đặt bẫy vào thời điểm 15 ngày sau đậu quả đến thu hoạch.

c. Biện pháp sinh học:

+ Sau khi rải vôi 15 ngày, sử dụng phân hữu cơ kết hợp chế phẩm sinh học có chứa vi khuẩn *Bacillus subtilis*, nấm *Trichoderma* sp., *Paecilomyces lilacinus*, để quản lý mầm bệnh xì mủ-chết cây (loét thân xì mủ), bệnh xơ đen, bệnh sạm đen vỏ quả, bệnh thối cuống quả, *Metarhizium anisopliae* để quản lý rệp sáp, sâu đục quả và ruồi đục quả.

+ Sử dụng bã thức ăn hoặc thuốc để diệt kiến trên vườn giúp hạn chế rệp sáp.

+ Tạo điều kiện thuận lợi cho thiên địch như bọ rùa ăn thịt, bọ cánh lưới, bọ đuôi kìm, chuồn chuồn, bọ ngựa, ruồi tia chớp, ong ký sinh *Trichogramma* sp,... phát triển bằng cách hạn chế sử dụng thuốc bảo vệ thực vật hóa học. Nhân nuôi và thả ong ký sinh trong vườn để phòng trừ sâu đục quả.

d. Biện pháp hóa học:

+ Áp dụng khi dịch hại đến ngưỡng phòng trừ.

+ Sử dụng các loại thuốc trong Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam, tuân thủ nguyên tắc 4 đúng khi sử dụng.

+ Luân phiên các loại thuốc có hoạt chất khác nhau để hạn chế sinh vật gây hại kháng thuốc, ưu tiêu sử dụng thuốc có nguồn gốc sinh học, thuốc có độ độc thấp, thời gian cách ly ngắn để hạn chế tác động đến môi trường và sức khỏe của người sử dụng.

đ. Sâu bệnh hại chính trên cây mít

- Bệnh xơ đen:

+ Triệu chứng: bệnh biểu hiện bên trong quả với những chấm nhỏ hay vệt màu nâu dọc theo múi và xơ. Có thể nhận diện được quả nhiễm bệnh qua hình dáng bên ngoài như đầu quả (nơi tiếp giáp với cuống) nhỏ lại, gai không nở, quả méo mó, đầu gai quả bị cụt. Những quả cách mặt đất dưới 30 cm, quả mọc trên cành vượt cũng có tỷ lệ bệnh xơ đen cao.

+ Tác nhân: do vi khuẩn *Pantoea stewartii* gây ra. Vi khuẩn xâm nhiễm vào quả tại thời điểm hoa nở hoặc qua các khe hở tự nhiên trên quả mít. Vi khuẩn *P. stewartii* được phát tán qua côn trùng và nước tưới. Bệnh xuất hiện quanh năm và gây hại nặng trong các tháng mùa mưa.

+ Biện pháp quản lý: xử lý ra hoa vào tháng 4 hoặc đầu tháng 5 dương lịch khi mưa ít; Tỉa quả ở giai đoạn 20 - 30 ngày tuổi, loại bỏ những quả có gai không đều, có vết thâm, cuống quả có vết nâu dọc theo chiều dài cuống, phễu (đĩa) quả không đều. Chọn những quả cách mặt đất ít nhất 1 m. Có thể sử dụng các loại thuốc bảo vệ thực vật



Triệu chứng bệnh xơ đen trên mít.

có chứa hoạt chất Erythromycin + Streptomycin sulfate, Gentamicin sulfate + Oxytetracycline hydrochloride, Kasugamycin + Streptomycin sulfate. Khi phun thuốc cần chú ý: trong mùa mưa phun 4 lần (Lần 1 trước trổ 7 ngày; Lần 2 sau khi hoa nở 7 ngày; Lần 3 và 4: quả 15 và 30 ngày tuổi). Mùa nắng phun 2 lần (Lần 1 trước trổ 7 ngày và Lần 2 sau khi hoa nở 7 ngày).

- Bệnh xì mủ-chết cây :

+ Triệu chứng: Bệnh thường xuất hiện trên cây từ 1,5 năm tuổi trở lên với triệu chứng xì mủ thân, hệ thống mạch dẫn bị hóa nâu. Trong điều kiện thuận lợi, vết bệnh xuất hiện khắp cả thân cây, hệ thống mạch bị phá vỡ nhanh chóng, nhựa chảy ướt cả thân cây, lá chuyển vàng và rụng hoặc héo xanh dính trên cây và cây chết trơ cành. Khi cây chết vết bệnh khô vỏ ngoài thân bị nứt và mục.

+ Tác nhân: Do vi khuẩn *Pectobacterium carotovorum* gây ra. Bệnh xuất hiện quanh năm, nhưng đặc biệt gây hại nặng trong mùa mưa.

+ Biện pháp quản lý: vệ sinh vườn, loại bỏ và tiêu hủy cây bệnh; Tỉa cành tạo tán giúp vườn cây thông thoáng; Thoát nước tốt, tránh đọng nước trên liếp và xung quanh gốc cây; Tăng cường sử dụng phân hữu cơ và bổ sung các chế phẩm vi sinh như: *Bacillus* spp., *Trichoderma* spp.; bón phân cân đối, không bón thừa phân đạm. Khi cây mới xuất hiện bệnh, sử dụng luân phiên một trong các loại thuốc bảo vệ thực vật có chứa hoạt chất Erythromycin + Streptomycin sulfate, Gentamicin sulfate + Oxytetracycline hydrochloride, asugamycin + Streptomycin sulfate. Phun lặp lại 3 lần, mỗi lần cách nhau 7 – 10 ngày.

- Bệnh thối thân chảy nhựa

+ Triệu chứng: Vỏ gốc và thân cây sùi, nứt nẻ, chảy nhựa màu nâu đen có mùi hôi; lá cây bị vàng, héo và rụng; cây sinh trưởng kém, rễ bị thối và gỗ bên trong bị mục rỗng. Vết bệnh ban đầu có thể xuất hiện dưới dạng các đốm nâu, sẫm màu hoặc vết loang ướt trước khi chảy nhựa.

+ Tác nhân: do nấm *Phytopthora palmivora*. Bệnh phát sinh và phát triển mạnh khi có độ ẩm cao và cây trồng dày. Các vết thương cơ học trên thân cây là cửa ngõ quan trọng cho nấm bệnh xâm nhập.

+ Biện pháp quản lý: Vệ sinh vườn, loại bỏ và tiêu hủy cây bệnh; tỉa cành tạo tán giúp vườn cây thông thoáng; thoát nước tốt, tránh đọng nước trên liếp và xung quanh gốc cây; tăng cường sử dụng phân hữu cơ và bổ sung các chế phẩm vi sinh như: *Bacillus* spp., *Trichoderma* spp; bón phân cân đối, không bón thừa phân đạm; khi bệnh xuất hiện sử dụng các hoạt chất thuốc như: Amisulbrom, Dimethomorph + Fluazinam, Picoxystrobin+ Prothioconazole, Dimethomorph, Mancozeb+ Metalaxyl-M, Fosetyl-aluminium.

- Bệnh sạm đen vỏ quả

+ Triệu chứng: Ban đầu xuất hiện những chấm nhỏ màu nâu đậm, bằng đầu kim trên gai của quả mít.



Triệu chứng bệnh xì mủ-chết cây trên cây mít



Vết bệnh màu đen lớn dần và lan rộng khắp bề mặt vỏ quả mít, vết bệnh chỉ tấn công bề mặt vỏ quả, không ăn sâu vào thịt quả.

+ Tác nhân: Bệnh do nấm *Lasiodiplodia theobromae* gây ra. Bệnh phát triển nhiều trong điều kiện thời tiết nóng và ẩm, vườn cây rậm rạp. Bệnh thường xuất hiện khi quả 1,5 tháng tuổi và giai đoạn gần thu hoạch vào mùa mưa. Ẩm độ cao (80 - 100%) liên tục vào mùa mưa là điều kiện lý tưởng cho nấm phát triển và bào tử phát tán mạnh.

+ Biện pháp quản lý: Vệ sinh vườn, loại bỏ và tiêu hủy quả nhiễm bệnh; tỉa cành tạo tán giúp vườn cây thông thoáng; tăng cường sử dụng phân hữu cơ và bổ sung các chế phẩm vi sinh như: *Bacillus* spp., *Trichoderma* spp.; bón phân cân đối, không bón thừa phân đạm; sử dụng thuốc có hoạt chất: Azoxystrobin, Propineb + Trifloxystrobin.

- Bệnh thối cuống quả

+ Triệu chứng: Bệnh xuất hiện chủ yếu khi chuẩn bị thu hoạch. Vết bệnh ban đầu là những đốm nâu đen, sau đó lớn dần và ăn sâu vào bên trong quả, các múi mít bị thối mềm. Bệnh xuất hiện chủ yếu nơi cuống quả, nơi có nhiều vết nứt tại vòng cuống quả.

+ Tác nhân: Do nấm *Lasiodiplodia theobromae* gây ra. Bệnh phát triển trong điều kiện thời tiết nóng và ẩm, vườn cây rậm rạp. Nấm xâm nhiễm vào quả mít thông qua vết thương trên bề mặt vỏ quả. Ngoài ra, những quả mít ở dưới thấp, quả bị rám nắng và quả ở gần cuống quả của những quả đã bị cắt tỉa bỏ cũng dễ bị bệnh.

+ Biện pháp quản lý: tương tự bệnh sạm đen vỏ quả.

- Sâu đục quả

+ Có 3 loài sâu đục quả ghi nhận gây hại trên cây mít là *Glyphodes caesalis* Walk, *Conogethes punctiferalis* Guen và *Nacoleia octasema* trong đó loài *G.caesalis* gây hại phổ biến nhất.

+ Đặc điểm gây hại: Thành trùng đẻ trứng trên các chồi lá non, trên các cụm hoa hoặc quả non. Sâu đục vào trong quả ở các giai đoạn phát triển. Giai đoạn đầu, trên quả sẽ xuất hiện một lỗ nhỏ có chất dịch được tiết ra, vết đục sẽ lớn dần và sau đó thường bị bội nhiễm bởi các loài nấm bệnh. Khi bị nhiễm nặng vào giai đoạn quả non, có thể thất thu từ 30 - 40%.

+ Biện pháp quản lý: thu hoạch ngay khi quả đủ tiêu chuẩn. Sau khi thu hoạch quả tiến hành vệ sinh vườn, cắt tỉa những cành bị sâu bệnh,.... Thăm vườn thường xuyên để sớm phát hiện và loại bỏ những quả đang bị sâu gây hại ra khỏi vườn hoặc tập trung vào hố và xử lý bằng vôi.

Sử dụng túi lưới cước 49 lỗ/cm^2 + túi xốp (vào mùa nắng) và túi ni-lon trắng + túi xốp (vào mùa mưa) kích thước túi 50 x 70 cm, bao khi quả 30 ngày tuổi. Sử dụng bẫy đèn có ánh sáng màu trắng, vàng, đỏ hoặc xanh lá để thu hút và tiêu diệt thành trùng sâu đục quả.

Tạo điều kiện cho một số thiên địch phát triển. Sử dụng các loại nấm ký sinh *Paecilomyces* spp., *Metarhizium anisopliae* (nấm xanh) để kiểm soát sự gây hại của sâu. Đối với vườn không áp dụng bao quả thì sử dụng luân phiên thuốc trừ sâu có hoạt chất Emamectin benzoate, Abamectin + Azadirachtin, Abamectin + Matrine, Flubendiamide, Cyantraniliprole + Pymetrozine, Chlorantraniliprole. Lưu ý chỉ khuyến cáo sử dụng sau khi được đăng ký vào Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam dùng phòng chống sâu đục quả hại cây mít.

- Ruồi đục quả

Trên mít ghi nhận có 2 loài ruồi đục quả gây hại là *Bactrocera dorsalis* và *Bactrocera umbrosa. B. dorsalis*

+ Đặc điểm gây hại: từ giai đoạn quả non đến quả chín. Ruồi đẻ trứng vào bên trong quả, ấu trùng sinh sống và gây hại làm quả thối rất nhanh.

+ Biện pháp quản lý: thu hoạch ngay khi quả đạt độ chín, tỉa cành, làm vệ sinh vườn thông thoáng. Thu gom những quả bị hại ra khỏi vườn, ngâm vào nước hoặc chôn vào đất. Vệ sinh sạch cỏ và rác mục kết hợp việc bồi bùn trong mùa nắng nhằm

tạo điều kiện bất lợi cho nhộng; sử dụng túi bao quả chuyên dụng (tương tự như đối với sâu đục quả); sử dụng bã thức ăn để dẫn dụ ruồi trưởng thành; đặt bẫy vào thời điểm 30 ngày sau đậu quả đến thu hoạch; phát triển thiên địch của ruồi đục quả trong vườn bằng cách hạn chế sử dụng thuốc hóa học có độc tính cao; sử dụng thuốc có hoạt chất: Abamectin + *Bacillusthuringiensis*; Emamectin benzoate; Emamectin benzoate + Petroleum oil.

Lưu ý phun 2 lần: Quả 30 và 45 ngày tuổi, tiến hành bao quả; phun từ 6 - 9 giờ sáng theo nồng độ khuyến cáo và đảm bảo thời gian cách ly.

- Rệp sáp

Trên mít ghi nhận có sự gây hại của các loài *Ferrisia virgata, Planococcus lilacinus, Pulvinaria* sp., trong đó loài *P. lilacinus* là phổ biến nhất.

+ Đặc điểm gây hại: thường gây hại trên chồi non, lá non và quả để chích hút nhựa, rệp sáp tiết ra mật ngọt tạo điều kiện cho nấm bồ hóng phát triển.

+ Biện pháp quản lý: sau khi thu hoạch, cắt tỉa cành cho vườn được thông thoáng. Loại bỏ những cành và quả nhiễm rệp sáp ra khỏi vườn; phun nước vào tán cây bằng vòi áp lực cao. Hạn chế sử dụng thuốc bảo vệ thực vật có độc cao để tạo điều kiện thuận lợi cho thiên địch phát triển. Sử dụng luân phiên thuốc có hoạt chất: Spirotetramat, Emamectin benzoate + Petroleum oil, Dinotefuran, Clothianidin.

Lưu ý chỉ được khuyến cáo sử dụng sau khi được đăng ký vào Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam dùng phòng chống rệp sáp hại mít. Nên xử lý thuốc bảo vệ thực vật dưới đất để diệt rệp sáp và kiến trong đất để đạt hiệu quả cao.

4. Thu hoạch và bảo quản

- Thu hoạch khi quả đủ già, thời gian từ khi ra hoa đến khi quả già khoảng4 - 5 tháng (tùy theo giống và điều kiện sinh thái). Khi quả già gai nở đều, màu sắc thường xanh nhạt hơn, lá đài chuyển màu vàng, héo và rụng, mủ từ cuống quả lỏng và trong.

- Thu hoạch vào ngày nắng ráo, từ 9 - 15 giờ. Sau khi hái, đặt quả mít nằm ngang, cuống quả hướng xuống để mủ chảy ra. Không đặt quả tiếp xúc trực tiếp với đất.

- Dùng giấy hoặc tấm xốp khổ lớn để bọc xung quanh quả (để hở hai đầu, không bọc kín) để tránh va đập, xây sát khi vận chuyển. Sơ chế, phân loại theo yêu cầu thị trường. Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh để quả trực tiếp dưới mưa, nắng./.



Đoàn cán bộ Trung tâm Khuyến nông quốc gia tham quan mô hình trồng mít tại tỉnh Đắk Lắk

CỤC TRỒNG TRỌT VÀ BVTV



Các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả CHỦNG NGỪA VẮC – XIN CHO GÀ THỊT

Một chiến lược chủng ngừa vắc - xin hiệu quả là rất quan trọng đối mỗi chương trình quản lý gà thịt. Vắc - xin kích hoạt hệ thống miễn dịch bằng cách giới thiệu một loại kháng nguyên, ví dụ như một vi sinh vật ít độc lực hoặc một phần của vi sinh vật, cho cơ thể vật nuôi. Vật nuôi sẽ sản xuất các kháng thể và các yếu tố miễn dịch khác để chống lại các kháng nguyên trong vắc - xin. Nếu sau đó vật nuôi tiếp xúc với các loại kháng nguyên này thì cơ thể của chúng đã sẵn sàng để chiến đấu chống lại mầm bệnh.

Vắc - xin không hiệu quả hoặc kém hiệu quả có thể sẽ gây tốn kém công sức và chi phí chăn nuôi. Vì vậy, hãy xem xét các nguyên tắc sau đây khi quyết định sử dụng vắc - xin gì cho gà thịt:

1. Làm tốt công tác quản lý

Bất kỳ một chương trình vắc - xin nào cũng cần bắt đầu với việc làm tốt công tác quản lý đàn. Khi gà bị stress, khả năng chống lại các mầm bệnh của chúng sẽ suy giảm dù có hoặc không có vắc - xin. Mức độ gió, mật độ và các yêu cầu về thức ăn phải được đảm bảo. Ngoài ra, nên biết những loại vắc - xin nào có bán trên thị trường trong khu vực để phòng việc điều chỉnh vắc - xin.

2. Xử lý vắc - xin hiệu quả

Việc xử lý vắc - xin không hợp lý có thể làm giảm hoặc làm mất khả năng cung cấp bảo hộ của vắc - xin. Phải đảm bảo rằng vắc - xin được bảo quản đúng cách và bảo vệ khỏi nhiệt và ánh sáng mặt trời trực tiếp. Không sử dụng vắc - xin hết hạn sử dụng và luân phiên chuyển kho vắc - xin để tránh phải vứt bỏ những vắc - xin đã hết hạn. Thực hiện đúng theo các hướng dẫn ghi trên nhãn và tránh làm vấy nhiễm trong quá trình trộn và quản lý. Sử dụng vắc - xin trong khung thời gian mà nhà sản xuất kiến nghị, vứt bỏ các vỏ chứa đã mở nắp và vắc - xin thừa đúng cách.

3. Đánh giá áp lực mầm bệnh trong khu vực

Vì vắc - xin phải kích thích đáp ứng miễn dịch để bảo vệ cơ thể, nên chúng có thể gây ra stress cho cơ thể gà, điều này có thể ảnh hưởng đến tăng trưởng của đàn gà. Đặc biệt với thời gian nuôi ngắn của gà thịt, việc theo dõi các bệnh có trong khu vực của bạn và các khu vực lân cận là rất quan trọng. Trừ khi từ yêu cầu của cơ quan nhà nước, chỉ tiêm vắc - xin cho các bệnh ảnh hưởng đến khu vực của bạn.

4. Xem xét các đặc điểm, chủng/biến thể của các mầm bệnh địa phương

Một số bệnh gây ra bởi nhiều sinh vật khác nhau hoặc các sinh vật có nhiều serotype khác nhau. Việc sử dụng loại vắc - xin nào sẽ phụ thuộc vào loại vi sinh vật gây nhiễm vào khu vực của bạn.

Ngoài ra, có một số vi sinh vật đột biến nhanh hơn những vi sinh vật khác. Khi vi sinh vật đột biến trở nên ít giống với di truyền của vi sinh vật ban đầu được sử dụng trong sản xuất vắc - xin, vắc - xin có thể trở nên kém hiệu quả hoặc không hiệu quả theo thời gian. Cúm gia cầm và Viêm phế quản truyền nhiễm là ví dụ về các bệnh có mức độ đột biến cao.

Sử dụng thử nghiệm phản ứng chuỗi polymerase hoặc các phương pháp xác định serotype khác để xác định các vi sinh vật gây bệnh trong khu vực của bạn và điều chỉnh vắc - xin cho phù hợp.

5. Hiểu các đặc điểm của vắc - xin

Hai loại vắc - xin truyền thống được sử dụng cho gà thịt là vắc - xin sống và vắc - xin chết.

- Vắc - xin sống (bao gồm các vắc - xin sống giảm độc lực và vắc - xin biến đổi) chứa các vi sinh vật sống ít độc lực tự nhiên hoặc đã bị biến đổi và làm suy yếu trong quá trình sản xuất để có độc lực thấp hơn. Tuy các vắc - xin sống cung cấp đáp ứng miễn dịch nhanh và mạnh nhưng chúng có



thể gây ra một số triệu chứng bệnh, kể cả ức chế tăng trưởng. Vắc - xin sống thích hợp chủng ngừa theo nhóm.

- Vắc - xin chết hay vắc - xin bất hoạt chứa các vi sinh vật chết. Tuy các vắc - xin chết không gây ra bệnh nhưng chúng cung cấp đáp ứng miễn dịch chậm hơn và yếu hơn vắc - xin sống, và phải tiêm cho từng con gà do đó tăng chi phí sản xuất.

Tùy thuộc vào từng mầm bệnh mà nên sử dụng một hoặc hai loại vắc - xin trên. Nên xem xét ưu và khuyết điểm của từng loại vắc - xin để có thể đưa ra quyết định tốt hơn trong việc chủng ngừa cho đàn gà.

Ngoài ra còn có các loại vắc - xin khác là vắc - xin tiểu đơn vị, vắc - xin độc tố và vắc - xin tái tổ hợp. Giống như vắc - xin sống và vắc - xin chết, các loại vắc - xin này cũng có các ưu khuyết điểm khác nhau. Vì vậy cần phải nghiên cứu từng loại vắc - xin trước khi sử dụng.

6. Chủng ngừa cho đàn gà vào thời điểm thích hợp

Vắc - xin hoạt động tốt nhất khi được tiêm trước thời điểm bệnh, giúp đàn gà có sự chuẩn bị tốt khi bị nhiễm bệnh. Khi gà đã bị nhiễm bệnh, việc tiêm vắc - xin có thể sẽ gây bất lợi, vì gây thêm stress cho gà và ức chế tăng trưởng. Đối với các bệnh nhiễm sớm trên gà con, việc sử dụng vắc - xin cho trứng hoặc gà lúc mới nở nên được xem xét. Đối với vắc - xin bị ảnh hưởng bởi kháng thể mẹ truyền, việc chủng ngừa vắc - xin nên đợi đến khi gà được khoảng 10-18 ngày tuổi tùy thuộc vào bệnh bạn đang chủng ngừa. Không tiêm phòng cho gà đã biểu hiện các triệu chứng bệnh.

7. Tối ưu phương pháp chủng ngừa

Đối với vắc - xin yêu cầu tiêm trứng hoặc tiêm lúc nở:

Tiêm trứng (In-ovo): là phương pháp mà các vắc - xin được tiêm vào phôi vào lúc khoảng 18-19 ngày ấp, khi trứng được chuyển từ máy ấp sang máy nở. Có thể kiểm soát nguy cơ nhiễm khuẩn phôi bằng cách: sử dụng hệ thống hai kim tiêm hoặc hệ thống khử trùng kim thích hợp, tập huấn nhân viên đúng cách, duy trì môi trường vô trùng trong khu vực tiêm và tự động hóa quy trình khi có thể. Ưu điểm của phương pháp tiêm trứng là: xử lý gà ít hơn, bảo vệ gà khỏi nhiễm trùng sớm và tăng độ đồng đều trong việc chủng ngừa vắc - xin. Vắc - xin bệnh Marek, bệnh Newcastle và bệnh Gumboro là các vắc - xin được chủng qua đường tiêm trứng.

Chủng ngừa gà mới nở: 1 ngày tuổi là thời điểm phù hợp nhất để chủng ngừa cho gà thịt vì việc tiêm chủng xảy ra khi gà đang được chuyển từ trại giống sang các chuồng để chuyển đến trại nuôi gà thịt. Gà được tiêm dưới da, thường ở phía sau cổ. Cần tập huấn nhân viên để tiêm dưới da gà thay vì chỉ tiêm vào lông.

Đối với các vắc - xin chủng theo nhóm thì sử dụng các phương pháp sau:

Phun vắc - xin tại trại giống: gà được phun vắc - xin trong lồng cho việc chuyển đi. Sử dụng phương pháp này đối với các vắc - xin chủng ngừa theo nhóm mà cần áp dụng sớm.

Phun vắc - xin tại trại nuôi thịt: Áp dụng cho gà lớn hơn, vắc - xin được phun vào gà hoặc phun vào không khí phía trên gà. Gà sẽ hít hoặc nuốt vắc - xin. Để tránh gây stress cho gà trong quá trình phun vắc - xin, nhân viên hoặc thiết bị được dùng để phun nên thường xuyên di chuyển qua lại chuồng nuôi để gà thích nghi với sự hiện diện của họ. Để đảm bảo chủng ngừa đồng đều nên phun toàn bộ chuồng nuôi theo mô hình chồng chéo.

Chủng vắc - xin qua đường nước uống: Tuy phương pháp này ít gây stress cho gà nhất nhưng sự đồng đều của việc chủng ngừa chỉ xảy ra khi toàn bộ gà đều uống nước trong suốt quá trình chủng ngừa. Chất sát trùng và các hóa chất như Clo sẽ làm bất hoạt vắc - xin sống, và chúng phải được loại bỏ khỏi nguồn nước trước và trong khi chủng ngừa vắc - xin.

Mặc dù không có chiến lược vắc - xin nào là hoàn hảo, nhưng có thể xem xét các nguyên tắc trên để cải thiện hiệu quả chủng ngừa vắc - xin./.

Kỹ thuật VỖ BÉO BÒ

Vỗ béo trước khi giết thịt với mục đích bò tăng trọng nhanh trong thời gian ngắn để có tỷ lệ thịt xẻ cao và tạo ra các vân mỡ trong các thớ cơ nên phẩm chất thịt được nâng cao, tạo nên sự ngon miệng cho người tiêu dùng do thịt bò mềm và thơm hơn.

1. Lựa chọn bò vỗ béo

Đối tượng bò được đưa vào vỗ béo: Những con bò không sử dụng để cày kéo, vắt sữa, sinh sản; bê, bò đực, không mắc bệnh truyền nhiễm.

Khi chọn bò vỗ béo cần lưu ý:

- Giống: Bò lai phát triển nhanh hơn các giống bò địa phương;
- Giới tính: Bò đực phát triển nhanh hơn bò cái;
- Tuổi bò: Bò càng già hiệu quả sử dụng thức ăn càng kém;
- Thể trạng: Bò gầy vỗ béo cho hiệu quả cao hơn bò có thể trạng béo;
- Sức khỏe và ngoại hình: Bò không mắc bệnh, mắt tinh nhanh, có thân hình cân đối, đầu thanh, chân thanh, bụng thon, da đàn hồi tốt, lông mịn, đuôi luôn luôn cử động, cụm lông đuôi dài.

Những con bò thuộc đối tượng trên phải được phân nhóm theo tuổi, giống, giới tính và thể trạng. Những bò bị bệnh phải điều trị khỏi bệnh trước khi vỗ béo.

2. Cách xác định khối lượng cơ thể bò

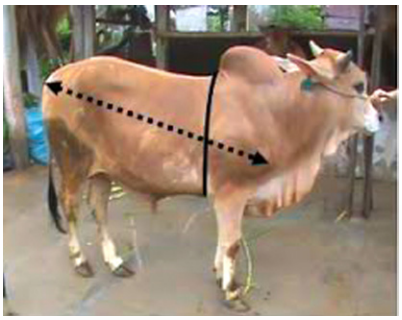
Có nhiều cách xác định khối lượng cơ thể bò như dùng cân, dùng thước đo chuyên dụng hoặc sử dụng thước dây. Cách đo bằng thước như sau:

Để bò đứng nơi bằng phẳng và đo vòng ngực (VN), dài thân chéo (DTC) như hình vẽ. Khi có được số đo của VN và DTC áp dụng vào công thức tính:

P = [(VN x VN) x DTC x 90] ± 5%

Trong đó:

P: Khối lượng (kg); VN: Vòng ngực (m); DTC: Dài thân chéo (m). Nếu bò béo +5%, bò gầy -5% khối lượng vừa tính được.



3. Tẩy ký sinh trùng

Trước khi đưa vào vỗ béo bò phải tẩy nội, ngoại ký sinh trùng:

- Ngoại ký sinh trùng: Ve, rận, mòng ... Sử dụng một trong các loại thuốc như sau: Ivermectin, Deltamethrin, Pyrethroid... Cách sử dụng theo hướng dẫn của nhà sản xuất.
- Nội ký sinh trùng: Giun sán đường ruột, giun phổi, sán lá gan... Sử dụng một trong các loại thuốc sau: Ivermectin, Albendazol, Levamisol, Mebendazol, Fenbendazol, Benzimisazol, Bithionol... Cách sử dụng theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

4. Thức ăn

Thức ăn dùng vỗ béo bò bao gồm: Thức ăn thô xanh, phụ phẩm, thức ăn tinh, khoáng đa-vi lượng và vitamin. Ưu tiên tận dụng thức ăn sẵn có tại địa phương.

a. Thức ăn thô xanh: Các loại cỏ tự nhiên, cỏ trồng, thức ăn ủ chua, phụ phẩm nông nghiệp, phụ phẩm công nghiệp (rỉ mật, vỏ hoa quả, bã bia, bã rượu, bã đậu, phụ phẩm dứa, ...), thức ăn xanh chiếm 55 - 60% vật chất khô trong khẩu phần.

b. Thức ăn tinh: Thức ăn tinh chiếm 40 - 45% vật chất khô trong khẩu phần.

**** Yêu cầu chung của phối trộn thức ăn tinh:***

- Phải có ít nhất ba loại nguyên liệu thức ăn trở lên. Càng có nhiều loại nguyên liệu trong thành phần càng tốt, nên tận dụng tối đa nguyện liệu sẵn tại địa phương.
- Các nguyên liệu đem phối trộn phải đảm bảo có chất lượng tốt, khô, không hấp hơi hoặc vón cục, không ôi, mốc và không có mùi lạ.
- Trước khi phối trộn các nguyên liệu thức ăn phải được nghiền nhỏ. Khối lượng nguyên liệu đem phối trộn phải phù hợp với nhu cầu sử dụng, tránh giảm chất lượng thức ăn do phải bảo quản lâu.

**** Công thức phối trộn:***

Bảng 1: Công thức phối trộn thức ăn tinh cho bò vỗ béo (16% protein thô)

STT	Loại nguyên liệu	Số lượng (kg)
1	Bột ngô	39
2	Cám gạo	22
3	Đậu tương rang	15
4	Bột sắn	15
5	Premix khoáng	2
6	Muối	2
7	Rỉ mật	3
8	Urê	2
	Tổng số	100

Bảng 2: Công thức phối trộn thức ăn tinh cho bò vỗ béo (18% protein thô)

STT	Loại nguyên liệu	Số lượng (kg)
1	Bột ngô	31
2	Bột cá	9
3	Bột sắn	67
4	Bột xương	1
5	Muối	2
6	Urê	2
	Tổng số	112

Bảng 3: Công thức phối trộn thức ăn tinh cho bò vỗ béo (20% protein thô)

STT	Loại nguyên liệu	Số lượng (kg)
1	Bột ngô	30
2	Cám gạo	23
3	Đậu tương rang	30
4	Bột sắn	10
5	Premix khoáng	1,5
6	Muối	2
7	Rỉ mật	3
8	Urê	1,5
	Tổng số	100

Bảng 4. Khẩu phần ăn cho bò vỗ béo

Vụ	Loại bò vỗ béo		Thức ăn tinh (kg/ngày)		Thức ăn xanh (kg/ngày)	
	Tuổi bò (tuổi)	Khối lượng bò (kg/con)	15 ngày đầu	Trên 60 ngày	15 ngày đầu	Trên 60 ngày
Đông Xuân (tháng 10 năm trước - tháng 3 năm sau)	< 3	< 300	1,2	> 3,5	> 25	> 30
	3 - 6	300 - 400	1,4	> 3	30 - 40	> 40
	> 6	> 400	1,5	> 3,5	> 40	> 40
Các vụ khác trong năm (tháng 4 - 10)	< 3	< 300	1	> 2	> 25	> 30
	3 - 6	300 - 400	1,1	> 2,5	> 35	> 35
	> 6	> 400	1,2	> 2	> 40	> 40

**** Cách phối trộn***

- Đổ dàn đều các nguyên liệu thức ăn đã nghiền nhỏ ra nền nhà hoặc sân gạch có lót bạt, theo thứ tự loại nhiều đổ trước, loại ít đổ sau.
- Đối với các loại nguyên liệu có khối lượng ít như muối, bột xương, urê ... phải trộn với một ít bột ngô hoặc cám để tăng khối lượng, sau đó trộn lẫn với các nguyên liệu khác để đảm bảo phân bố đều trong hỗn hợp thức ăn.
- Trộn đều cho đến khi hỗn hợp thức ăn có màu đồng nhất.
- Đóng thức ăn vào bao buộc kín lại cho bò ăn dần.

**** Cách bảo quản***

- Thức ăn đã phối trộn cần được bảo quản ở nơi khô, mát, có mái che, tránh ẩm mốc.
- Phải có biện pháp để tránh chuột bọ phá hỏng thức ăn.

5. Chuồng trại và phương thức vỗ béo

Chuồng trại đảm bảo thoáng mát, sạch sẽ, đủ diện tích để bò đi lại tự do trong chuồng.

Phương thức vỗ béo: Nên nuôi nhốt bò tại chuồng, cung cấp thức ăn, nước uống và cho ăn theo nhu cầu. Cho ăn thức ăn xanh trước, sau đó cho ăn thức ăn tinh. Khi mới vỗ béo cần cho bò tập ăn thức ăn tinh, sau đó tăng dần.

Căn cứ vào khối lượng ban đầu trước khi vỗ béo, hàng tháng xác định khối lượng cơ thể để bổ sung và điều chỉnh lượng thức ăn hợp lý.

6. Vệ sinh thú y

Thường xuyên tiêu độc, khử trùng và vệ sinh chuồng trại, môi trường chăn nuôi trước, trong và sau khi vỗ béo. Phát hiện và điều trị bệnh kịp thời trong thời gian vỗ béo, đặc biệt các bệnh đường tiêu hóa.

7. Thời gian vỗ béo

Tùy thuộc vào đối tượng bò đưa vào vỗ béo, từ 60 - 90 ngày. Nếu kéo dài thời gian vỗ béo, khả năng tăng trọng sẽ giảm, tiêu tốn và chi phí thức ăn cao, hiệu quả vỗ béo thấp. Cần bán, giết thịt ngay sau khi kết thúc vỗ béo./.



Cán bộ khuyến nông hướng dẫn bà con cách phối trộn thức ăn tinh

NGUYỄN THỊ HẢI
Trung tâm Khuyến nông quốc gia

Quy trình nuôi tôm HẠN CHẾ CHẤT THẢI



Ao nuôi tôm thường phát sinh nhiều chất thải như thức ăn thừa, phân tôm và bùn đáy, ảnh hưởng đến môi trường. Tối ưu quy trình nuôi là giải pháp cần thiết để giảm ô nhiễm và nâng cao hiệu quả sản xuất.

Nguyên nhân sinh ra chất thải:

Trong ao tôm, chất thải phát sinh chủ yếu từ 3 nguồn:

Thức ăn thừa: Cho tôm ăn quá nhiều khiến thức ăn dư thừa. Lượng thức ăn thừa không được xử lý hoặc phân hủy sẽ tạo ra chất hữu cơ hòa tan, làm tăng nhu cầu oxy hóa (BOD) trong nước, gây ô nhiễm và suy giảm chất lượng môi trường nước.

Phân và bài tiết của tôm: Có chứa ni - tơ, phốt pho và các hợp chất hữu cơ. Khi tích tụ trong ao nuôi, các chất này làm tăng hàm lượng dinh dưỡng, thúc đẩy sự phát triển quá mức của tảo và vi khuẩn, dẫn đến hiện tượng phú dưỡng. Hiện tượng phú dưỡng gây ra sự suy giảm oxy hòa tan, tích tụ chất độc hại như ammonia, nitrite làm tôm bị stress, dễ mắc bệnh và chết hàng loạt.

Tích tụ tảo chết và bùn đáy: Làm ô nhiễm nghiêm trọng trong hệ thống nuôi thâm canh, tạo điều kiện cho khí độc như NH_3, H_2S sinh ra, gây hại sức khỏe tôm.

Chuẩn bị ao nuôi:

Cải tạo đáy ao: Loại bỏ bùn cũ, cày xới và phơi đáy từ 7 -10 ngày để phân hủy chất hữu cơ tồn dư. Có thể bón vôi CaO (10 - 15kg/100m^2) để diệt khuẩn và ổn định pH.

Lót bạt đáy (đối với mô hình công nghệ cao): Giúp giảm tích tụ bùn, dễ dàng hút chất thải ra khỏi ao.

Xây dựng hệ thống xử lý nước: Bố trí ao lắng, ao lọc, ao xử lý nước thải riêng biệt. Việc xử lý nước bằng Zeolite, Chlorine hoặc chế phẩm sinh học giúp nước đầu vào đạt chất lượng tốt, giảm nguy cơ ô nhiễm ngay từ đầu vụ.

Quản lý cho ăn:

Thức ăn là yếu tố chiếm đến 60 -70% chi phí nuôi và là nguồn phát sinh chất thải lớn nhất.

Do đó, người nuôi cần lựa chọn thức ăn chất lượng cao. Có kích cỡ và hàm lượng đạm phù hợp với từng giai đoạn phát triển của tôm để đảm bảo tôm tiêu hóa tốt, phát triển khỏe mạnh và nâng cao năng suất. Việc này cũng giúp tránh dư thừa dinh dưỡng trong ao, giảm chi phí và bảo vệ môi trường nước.

Thực hiện cho ăn theo nguyên tắc "4 định": định chất (loại thức ăn), định lượng (lượng thức ăn sử dụng hàng ngày", định thời gian (số lượng cho ăn), định địa điểm (phương pháp cho ăn). Sử dụng sàng ăn hoặc máy cho ăn tự động giúp kiểm soát lượng thức ăn chính xác, tránh dư thừa.

Bổ sung men tiêu hóa và enzyme giúp tôm hấp thu dinh dưỡng tốt hơn, giảm lượng thải ra môi trường.

Thường xuyên theo dõi hành vi tôm ăn, quan sát sàng ăn, điều chỉnh lượng thức ăn theo tình trạng sức khỏe, thời tiết, chất lượng nước.





Kiểm soát thức ăn trong nuôi tôm giúp giảm chi phí và hạn chế nguồn phát sinh chất thải

Quản lý chất lượng nước:

Một quy trình nuôi tối ưu phải đảm bảo môi trường nước ổn định, tạo điều kiện cho hệ vi sinh vật có lợi phát triển, giúp phân hủy chất thải hiệu quả.

Trong quá trình nuôi, cần duy trì cân bằng tảo - vi sinh, tránh hiện tượng tảo tàn gây tăng đột biến chất hữu cơ. Sử dụng chế phẩm sinh học định kỳ (Bacillus, Lactobacillus) giúp phân giải bùn và làm sạch đáy ao.

Thường xuyên theo dõi các chỉ tiêu môi trường: DO (lượng oxy hòa tan), pH, kiềm, NH_3, NO_2^- được kiểm tra hàng ngày để kịp thời xử lý.

Sục khí hợp lý giúp tăng cường trao đổi oxy, hạn chế sự tích tụ bùn và vùng yếm khí. Điều này quan trọng để cải thiện chất lượng nước bằng cách hỗ trợ sinh vật hiếu khí có lợi phát triển, phân hủy các chất ô nhiễm và ngăn mùi hôi.

Chỉ thay nước khi cần thiết, tránh gây sốc cho tôm và hạn chế thải ra môi trường ngoài.

Công nghệ nuôi:

Để đạt hiệu quả tối ưu, nhiều trang trại đã ứng dụng công nghệ cao trong kiểm soát môi trường và quản lý chất thải:

Công nghệ biofloc: Biofloc giúp xử lý chất thải hữu cơ trong nước bằng cách chuyển hóa thành nguồn dinh dưỡng cho tôm, đồng thời giảm thiểu ô nhiễm và sự tích tụ chất thải trong môi trường nuôi. Hệ thống biofloc làm giảm việc thải ra nước thải ô nhiễm, giúp duy trì môi trường sống trong lành và bền vững cho tôm, đồng thời giảm chi phí xử lý nước thải.

Nuôi tuần hoàn khép kín (RAS): Là mô hình nuôi trong môi trường khép kín, trong đó 90- 95% lượng nước được tái sử dụng liên tục thông qua các hệ thống lọc sinh học, cơ học và khử trùng bằng tia UV hoặc ozone. Điều này giúp tiết kiệm nước, giảm lượng nước thải ra môi trường và hạn chế các tác động tiêu cực đến hệ sinh thái.

Hệ thống nuôi tích hợp đa loài (ITMA): Góp phần làm giảm đáng kể lượng chất thải thải ra môi trường nhờ khả năng tái sử dụng chất dinh dưỡng trong hệ thống. Việc này giúp hạn chế hiện tượng phú dưỡng và cải thiện chất lượng nước trong khu vực nuôi.

Sử dụng các cảm biến và công nghệ IoT: Các cảm biến và công nghệ IoT giúp theo dõi và kiểm soát chất lượng nước, lượng thức ăn và tình trạng sức khỏe của tôm trong thời gian thực. Điều này cho phép người nuôi có thể điều chỉnh kịp thời các biện pháp quản lý để đảm bảo hiệu quả và bền vững.

Thu gom và xử lý bùn thải: Bùn đáy là nơi tích tụ phần lớn chất thải hữu cơ và khí độc. Việc gom định kỳ giúp cải thiện chất lượng nước và giảm nguy cơ dịch bệnh.

Xi phông: Không chỉ là phương pháp phòng bệnh, hơn nữa còn hỗ trợ trị bệnh. Việc thường xuyên xi phông sẽ giúp cho nước ao luôn sạch, xử lý triệt để các chất thải, cần thiết kế hố xi phông ở giữa ao để dễ dàng hút bùn định kỳ 1 -2 lần/tuần.

Tách riêng khu chứa bùn: Khi nạo vét hoặc hút bùn, cần bơm bùn sang ao chứa riêng và tuyệt đối không đổ bùn sang bờ ao để tránh bùn có thể trôi ngược xuống ao khi trời mưa.

Xử lý bùn bằng chế phẩm vi sinh hoặc ủ làm phân hữu cơ. Đây là hướng sử dụng chất thải hiệu quả và thân thiện với môi trường./.

BBT



Thủ phủ bưởi Phúc Trạch VÀO VỤ THU HOẠCH

Mặc dù sản lượng giảm do thời tiết bất lợi, bưởi Phúc Trạch năm 2026 vẫn ghi nhận chất lượng đồng đều, mẫu mã đẹp, giá bán tăng, mang lại nhiều kỳ vọng cho người trồng.

Tại xã Phúc Trạch - vùng sản xuất bưởi lớn nhất Hà Tĩnh, hiện có gần 550 ha bưởi, trong đó khoảng 450 ha đang cho thu hoạch. Nếu như năm 2025, địa phương đạt sản lượng hơn 6.950 tấn, doanh thu trên 150 tỷ đồng thì năm nay sản lượng ước giảm do ảnh hưởng thời tiết. Tuy nhiên, chất lượng quả được đánh giá đồng đều, mẫu mã đẹp và hứa hẹn đáp ứng nhu cầu cao của thị trường.



Theo ông Phan Anh Thái, Phó Trưởng phòng Kinh tế UBND xã Phúc Trạch, địa phương hướng dẫn người dân chăm sóc vườn cây theo quy trình kỹ thuật, đồng thời tăng cường kết nối tiêu thụ với doanh nghiệp, hệ thống siêu thị và các sàn thương mại điện tử nhằm mở rộng thị trường, nâng cao giá trị thương hiệu bưởi Phúc Trạch.



Hiện Hà Tĩnh có gần 2.800 ha bưởi Phúc Trạch, tập trung tại các vùng trọng điểm như Phúc Trạch, Hương Đô, Hương Phố, Hà Linh, Hương Xuân, Hương Thủy... Những lứa bưởi chín sớm đã được đưa ra thị trường với giá bán dao động 25.000- 35.000 đồng/quả, tăng khoảng 15-20% so với cùng kỳ năm trước. Chất lượng quả cùng tín hiệu tích cực từ thị trường đang tạo thêm động lực để người trồng tiếp tục đầu tư, gìn giữ và phát huy giá trị thương hiệu bưởi Phúc Trạch - đặc sản nổi tiếng của Hà Tĩnh./.

ÁNH NGUYỆT
Trung tâm Khuyến nông Hà Tĩnh

Mùa vàng
PHÚC TRẠCH









Mùa hái Mật

TÂY NGUYÊN











www.khuyennongvn.gov.vn

Quét để tải tài liệu